**BÀI 3**: **VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

***(16 tiết, Từ tiết 29 đến tiết 45 + Kiểm tra, trả bài giữa kì 1)***

****

***Tiết 29* TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thơ lục bát, cách viết thơ lục bát, đề tài và cảm xúc về thơ lục bát

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

- Một số biện pháp tu từ

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

-  Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện ý nghĩa của văn bản.

- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

-Yêu vẻ đẹp quê hương.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương; chăm chỉ, tích cực học tập.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2 - Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh xem video nghệ sĩ Trần Mạnh Tuấn biểu diễn Saxophone bài “Quê hương”

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

- Học sinh lắng nghe, quan sát và chia sẻ cảm xúc của mình: xúc động, thiêng liêng, gần gũi…

- Trong hoàn cảnh đang phải cách ly, điệu nhạc da diết, sâu lắng, thiêng liêng về quê hương bất ngờ vang vọng lên như vậy sẽ làm cho các bệnh nhân vui hơn, như được tiếp thêm sức mạnh, niềm tin…

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Cách 1: Giáo viên cho học sinh video nghệ sĩ Trần Mạnh Tuấn biểu diễn Saxophone bài “Quê hương” trong bệnh viện dã chiến

<https://www.youtube.com/watch?v=hDE_x6YgKdg>

Và hỏi, em nghe, cảm nhận được điều gì ở bản nhạc không lời đó? Theo em tại sao trong bối cảnh người dân đang cách ly, nghệ sĩ Trần Mạnh Tuấn lại biểu diễn bài “Quê hương”

Cách 2: Giáo viên có thể mang lên lớp những đặc sản, in hoặc trình chiếu hình ảnh của địa phương mình (thật tuyệt vời nếu thầy cô biết quê hương- nơi sinh ra- của một số học sinh từ nơi khác chuyển đến, đương nhiên sẽ chuẩn bị những hình ảnh gắn liền với quê hương của em đó) và hỏi những hình ảnh, sản vật đó gợi cho em cảm xúc gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả tham gia trò chơi

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

“Quê hương”- hai chữ thôi nhưng thiêng liêng biết bao. Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn của ta, là nơi cho ta cội nguồn, gốc rễ bền chặt, nuôi dưỡng tâm hồn ta. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta sẽ hiểu, tự hào và yêu quê hương mình hơn với tựa đề **“VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG”**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:**

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Vẻ đẹp quê hương”

- Học sinh chia sẻ suy nghĩ, quan niệm về quê hương: là một món ăn, một trò chơi, lễ hội, bài hát, địa danh…

- Học sinh chia sẻ về ý nghĩa của quê hương: quan trọng, cần thiết; bình thường vì ở đâu cũng là quê…

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:*

*+ Chủ đề của bài học là gì*

*+ Định nghĩa của riêng em về quê hương? Theo em, quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi con người?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU KIẾN THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

**c. Sản phẩm học tập:**

**🡪 PHT 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng  Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| L | - | ***Đăng*** (bằng: thanh ngang) | - | ***Phố***  (trắc: thanh hỏi) | - | ***Lừa*** (bằng: thanh huyền)(vần: ưa) |  |  |
| B | - | ***Nàng*** (bằng: tthanh ngang) | - | ***Thị***  (trắc: thanh sắc) | - | ***Chùa*** (bằng: thanh ngang)(vần: ua) | - | ***Thanh*** (bằng: thanh huyền)(vần: anh) |
| L | - | ***Lên*** (bằng thanh ngang) | - | ***Lạng*** (trắc: thanh nặng) | - | ***Anh*** (bằng: thanh huyền (vần: anh) |  |  |
| B | - | ***Công*** (bằng: thanh ngang) | - | ***Mẹ*** (trắc: thanh hỏi) | - | ***thành***(bằng: thanh huyền)(vần: anh) | - | ***Em*** (bằng: thanh ngang) |

**🡪 PHT 1b**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng  Câu | **1** | **2** | **3** |  | **5** | **6** | **7** | **8** | **Nhận xét** |
| a. Lục |  | cha |  | núi |  | Sơn |  |  | Thanh B-T câu bát có sự biến đổi |
| a. Bát |  | mẹ |  | nước |  | nguồn |  | ra |
| b.Lục |  | cốt |  | tuyết |  | thần |  |  | Thanh B-T câu lục có sự biến đổi, nhịp thơ 3/3 |
| b. Bát |  | người |  | vẻ |  | Phân |  | mười |
| c. Lục |  | cò |  | đi |  | Đêm |  |  | Gieo vần ở vị trí tiếng thứ 4 |
| c. Bát |  | phải |  | mềm |  | cổ |  | ao |

- Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS liên quan đến những gì đã biết về thể thơ lục bát.

*\** ***Lục bát:***

*- Về cách gieo vần: tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo*

*- Về ngắt nhịp: thơ lục bát thường được ngắt nhịp chẵn, ví dụ như 2/2/2, 2/4/2, 4/4,*

*- Về thanh điệu: là sự phối hợp thanh điệu giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát.*

*+ Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 có thể được phối thanh tự do.*

*+ Riêng các tiếng ở vị trí 2, 4, 6 ,8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định sau: tiếng thứ 2 là thanh* ***bằng****, tiếng thứ 4 là thanh* ***trắc****;**riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ 6 là thanh* ***bằng (ngang)*** *thì tiếng thứ 8 phải là thanh* ***bằng (huyền)*** *và ngược lại.*

***\* Lục bát biến thể:*** *Lục bát biến thể là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong các dòng thơ.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về thể thơ lục bát, lục bát biến thể**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Học sinh thảo luận nhóm đôi**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

GV cung cấp cho HS 1-2 câu lục bất kì , ví dụ:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa*

*Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh*

*Ai lên xứ Lạng cùng anh*

*Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em*

Và nêu câu hỏi cho HS:

(1) Em đã từng thấy những VB có hình thức như thế này chưa? Kể tên hoạc đọc một vài câu về những văn bản có hình thức tương tự mà em đã từng học hoặc đọc. Em đã biết gì về thể loại này?

(2) Sau khi nghe GV nhận xét về nhiệm vụ, nhóm 4 HS đọc phần tri thức đọc hiểu trong SGK và thực hiện nhiệm vụ sau: Nêu ít nhất một điều chưa rõ, cần được giải thích thêm về nội dung của phần Tri thức đọc hiểu trong sgk trang 60.

(3) Sau khi nghe giáo viên giải đáp những thắc mắc của các nhóm liên quan đến nội dung của phần TTĐH, GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 1, 1b

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **🡪 PHT số 1**  *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa*  *Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh*  *Ai lên xứ Lạng cùng anh*  *Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em*  + Ghi tiếng ở vị trí 2-4-6-8 của các câu trong **đoạn thơ** vào mô hình  + Nhận xét về tiếng thứ 6 của dòng lục và tiếng thứ 6 của dòng bát tiếng thứ 8 của dòng bát và tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo  + Đọc đoạn thơ, xác định vị trí ngừng, nghỉ ở từng dòng thơ, ghi kí hiệu bằng dấu /  + Nhìn vào mô hình, nhận xét về thanh điệu của các tiếng ở vị trí 2-4-6-8; các tiếng ở vị trí 1-3-5-7   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng  Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | bát |  |  |  |  |  |  |  |  | | lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | bát |  |  |  |  |  |  |  |  |   **🡪 PHT 1b**  Ghi các ví dụ sau vào mô mình và nhận xét (về thanh điệu bằng trắc, cách gieo vần, ngắt nhịp…)  *a. Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *b. Mai cốt cách, tuyết tinh thần*  *Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười*  *c. Con cò mà đi ăn đêm*  *Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao* |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Trước tiên, cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập (1).

- Sau khi nghe GV nhận xét về nhiệm vụ (1), nhóm 4 HS thực hiện nhiệm vụ (2).

- Sau khi GV giải thích một số câu hỏi của NV2, nhóm 4 HS tiếp tục thực hiện NV (3).

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Nhiệm vụ (1): 2-3 Hs trả lời câu hỏi. Các Hs khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- Nhiệm vụ (2): Đại diện các nhóm HS nêu câu hỏi với GV và cả lớp.

- Nhiệm vụ (3): Đại diện 1-2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện NV học tập.

Các nhóm còn lại nghe, nhận xét, trao đổi, bổ sung (nếu có).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhiệm vụ (1): GV nhận xét câu trả lời của HS, dựa trên kết quả TL của HS để giới thiệu về thể loại thơ lục bát. GV ghi nhận những hiểu biết của HS về thể loại này.

- Nhiệm vụ (2): GV trả lời những câu hỏi của các nhóm HS. Trên cơ sở đó, GV HD HS chốt một số thông tin quan trọng đối với các ND được trình bày trong phần TTĐH của SGK trang 60.

- Nhiệm vụ (3): GV nhận xét câu trả lời của HS. Trên cơ sở đó, GV giải thích rõ và củng cố những đặc điểm của TL thơ lục bát.

**Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về hình ảnh, tính biểu cảm của văn bản văn học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*Đọc đoạn thơ sau và cho biết có những hình ảnh nào xuất hiện trong đoạn thơ. Đoạn thơ gợi cho em cảm xúc gì?*

*Bầm ơi có rét không bầm*

*Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùm*

*Bầm ra ruộng cấy bầm run*

*Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non*

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS phân tích ví dụ:

+ Hình ảnh: lâm thâm mưa phùn, người mẹ run run trong cái rét, chân lội dưới bùn…

+ Cảm xúc: xót xa, đau lòng, cảm phục…

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV nhận xét câu trả lời của HS. Trên cơ sở đó, GV giải thích rõ và củng cố về hình ảnh, tính biểu cảm của văn bản văn học:

*- Hình ảnh* là một yếu tố quan trọng của thơ, giúp người đọc “nhìn” thấy, tưởng tượng cái mà nhà thơ miêu tả, cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.

*- Tính biểu cảm của văn bản văn học* là khả năng văn bản gợi cho người đọc những cảm xúc vui, buồn, yêu, ghét.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

**Bài 1:** Trắc nghiệm: Tổ chức bằng hình thức “Rung chuông vàng”

Câu 1: Theo truyền thống, thanh bằng (B) được hiểu là những thanh nào?

**A. Ngang, huyền** B. Ngang, huyền, sắc

C. Huyền, sắc, ngã D. Huyền, ngã, hỏi

Câu 2: Liệt kê những thanh trắc

**A. Sắc, nặng, ngã, hỏi** B. Ngang, huyền, sắc

C. Nặng, ngã, hỏi D. Nặng, hỏi, sắc

Câu 3: “*Trong đầm gì đẹp bằng sen*

*Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng*”

Viết theo thể thơ song thất lục bát biến thể đúng hay sai?

A. Đúng **B. Sai**

Câu 4: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2; 2/4/2; 4/4) đúng hay sai

**A. Đúng** B. Sai

Câu 5: Các tiếng ở vị trí thứ 2,4,6,8 trong câu thơ lục bát có thể được phối thanh tự do đúng hay sai

A. Đúng **B. Sai**

Câu 6: Trong thể thơ lục bát, luật gieo vần là

**A. Tiếng thứ 6 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo**

B. Tiếng thứ 4 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo

C. Tiếng thứ 5 của dòng lục vần với tiếng thứ 6 của dòng bát kế nó, tiếng thứ 8 dòng bát vần với tiếng thứ 6 của dòng lục tiếp theo

Câu 7: Nhận định nào sau đây nói đúng về thể thơ lục bát biến thể

A. Là một thể thơ không có giá trị

**B. Là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong dòng thơ**

C. Lục bát biến thể là một thể thơ vay mượn ở nước ngoài.

Câu 8: Nhận định nào sau đây nói đúng về thể thơ lục bát

A. Là thể thơ được vay mượn từ Trung Quốc, có một cặp câu lục bát.

B. Là một thể thơ có từ lâu đời của dân tộc, tuy nhiên hiện nay không còn được sử dụng.

**C. Là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng (dòng lục) và một dòng 8 tiếng (dòng bát)**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, trả lời

- Gv quan sát, hỗ trợ

**B3: Báo cáo thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- Chia sẻ, lắng nghe

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV yêu cầu HS giới thiệu về vẻ đẹp quê hương em qua phần thuyết trình và trình chiếu

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và chia sẻ về vẻ đẹp quê hương em.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

***==========================================================***

**Tiết 30-31**

**VĂN BẢN 1:**

**NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Thơ lục bát qua ca dao, thơ

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

- Một số biện pháp nghệ thuật

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát (số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB;

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT - PHT số 1,2

- Tranh ảnh (mỗi nhóm chuẩn bị ít nhất 5 bức ảnh về 5 phố cổ Hà Nội hoặc phong cảnh Bình Định)

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Chữ S bí mật”. Trên bản đồ có 8 vùng địa lý +2 quần đảo tương ứng với 10 câu hỏi liên quan đến khu vực đó. Học sinh được chọn một vùng bất kì.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d) Tổ chức thực hiện:**



**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Gv tổ chức trò chơi “Chữ S bí mật”. Trên bản đồ có 8 vùng địa lý +2 quần đảo tương ứng với 10 câu hỏi liên quan đến khu vực đó. Học sinh được chọn một vùng bất kì.*

**1. Tây Bắc Bộ**

Tỉnh gì có đỉnh Xi Păng  
 Sa Pa mây trắng dung dăng bốn mùa?

**2.Đông Bắc Bộ** Tỉnh gì xứ sở vàng đen  
 Có chùa Yên Tử mây chen thông ngàn  
 Có Hạ Long đẹp tuyệt trần  
 Một lần đến vạn muôn lần mê say?

***Đáp án: Quảng Ninh***

Mẫu Sơn núi đẹp bốn mùa  
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh  
Chi lăng hiểm trở non xanh  
Một thời chiến tích lưu danh muôn đời?

**Đáp án: Tỉnh Lạng Sơn.**

Tỉnh gì đón Bác trở về  
Sau ba thập kỷ xa quê tìm đường  
Có hạng Pắc Bó gió sương  
Gợi thương Bác những năm trường gian nan?

**Đáp án: Cao Bằng**

***3. Đồng bằng sông Hồng***

Thành phố xanh hòa bình Đây Ba Đình, Đống Đa  
Soi bóng dòng sông đổ Đây Hồ Gươm, Tháp Bút  
Lịch sử ngàn năm qua Mãi mãi bản hùng ca ?  
Bao dấu son còn đó **Đáp án: Thành phố Hà Nội.**

**4. Bắc Trung Bộ**

Tỉnh gì có cầu Hiền Lương  
Trăm năm còn mãi nhớ thương một thời  
Có sông Bến Hải xanh trời  
Có Thành Cổ vọng muôn đời tráng ca?

**Đáp án: Tỉnh Quảng Trị.**

1. Tỉnh gì non nước quanh quanh
2. Tự hào Bác đã sinh thành từ đây?

**Đáp án: Tỉnh Nghệ An.**

1. **Duyên Hải Nam Trung Bộ** Tỉnh gì có Vịnh Cam Ranh  
    Nha Trang biển đẹp nổi danh xa gần?

**Đáp án: Tỉnh Khánh Hòa.**

**6. Tây Nguyên**

Đường lên bát ngát thông reo

Ở đâu thung lũng tình yêu sương mờ

**Đáp án: Đà Lạt**

**7. Đông Nam Bộ**

Đảo gì nơi xưa ấy Xiềng xích vân bên gan  
Là địa ngục trần gian Mỗi lần về thăm đảo  
Bao nhiêu người yêu nước Nhớ chị Sáu muôn vàn?  
**Đáp án: Côn Đảo.**

Nơi nào có cửa khẩu Mộc Bài  
Chiến khu bất khả những ngày gian nan  
Có tòa thành Thánh lớn khang trang  
Bà Đen thắng cảnh say ngàn khách xa?

**Đáp án: Tỉnh Tây Ninh.**

**8. Đồng Bằng Sông Cửu Long**

Tỉnh gì bát ngát dừa xanh  
Quê hương Đồng Khởi lừng danh ngày nào?

**Đáp án: Tỉnh Bến Tre.**

**9. Đảo Hoàng Sa :**

Hoàng Sa thuộc thành phố gì  
Em nào biết được xin ghi sổ vàng?

**Đáp án: Thành Phố Đà Nẵng.**

**10. Đảo Trường Sa**

Trường Sa quần đảo tự hào  
Gắn liền hành chính tỉnh nào, đố em?

**Đáp án: Tỉnh Khánh hòa.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả tham gia trò chơi

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

Qua trò chơi, các con thấy rằng đất nước mình rất đẹp phải không nào? Mỗi vùng miền đều mang một vẻ đẹp riêng biệt, cuốn hút và còn ẩn chứa cả những giá trị văn hóa, lịch sử. Bài học hôm nay các con sẽ tiếp tục tìm hiểu vẻ đẹp của quê hương qua những vần thơ lục bát khác

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản trữ tình

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản

**c. Sản phẩm: Cách đọc của học sinh**

***I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN***

***1. Đọc văn bản***

***2. Tìm hiểu chung***

*- Thể thơ: lục bát*

*- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hướng dẫn học sinh đọc về tìm hiểu chú thích**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn học sinh cách đọc

+ GV đọc diễn các câu thơ lục bát, hướng dẫn học sinh cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về về vẻ đẹp quê hương.

+ Tổ chức cho học sinh đọc trong nhóm hoặc trên lớp.

+ GV hướng dẫn HS chú ý về câu hỏi tưởng tượng

- Hướng dẫn hs giải nghĩa từ bằng trò chơi "Hái hoa dân chủ". Mỗi cánh hoa là một từ khóa cần làm sáng tỏ. Giải nghĩ được từ sẽ được cộng điểm

- HS lắng nghe.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, lẵng nghe, gợi ý

**B3: Báo cáo thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 2: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a. Mục tiêu:**

- Vẻ đẹp quê hương qua thơ lục bát.

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**b. Nội dung:** Gv tổ chức cho học sinh thảo luận theo luận nhóm đôi, nhóm 4-6 học sinh, PP thuyết trình, gợi mở kết hợp PHT để tìm hiểu các bài ca dao

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

***II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI***

***1. Bài ca dao 1***

*- Bức tranh phố phường Thăng Long*

*+ Tên phố: Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai…*

*-> Tên phố thường gắn liền với đặc trưng nghề nghiệp*

*+ Liệt kê*

*+ So sánh: phố - mắc cửi; đường- bàn cờ*

*-> Sự sầm uất, đông đúc, náo nhiệt, giàu có, xa hoa; phố phường dọc ngang, ken đặc như các sợi chỉ mắc trên khung cửi, như các ô vuông trên bàn cờ. Đồng thời thể hiện sự am hiểu về vùng đất Thăng Long cũng như thể hiện niềm tự hào của tác giả dân gian về vùng đất được đánh giá là “Nhất kinh kì, nhì phố Hiến”*

*-Tình cảm của “người về”:*

*+Nhớ cảnh ngẩn ngơ: tình cảm lưu luyến, tiếc nuối*

*+ Bút hoa xin chép: thể hiện sự trân trọng, tự hào*

*=> Niềm tự hào, tình yêu dành cho Thăng Long- vùng đất ngàn năm văn hiến.*

***2.Bài 2***

- *Hình thức: đối-đáp của chàng trai và cô gái (cụ thể là lối đố- đáp)*

*+Cô gái đố: sông nào sâu nhất, núi nào cao nhất*

*+ Chàng trai đáp: sông sâu nhất là sông Bạch Đằng, ba lần đánh tan giặc ngoại xâm; núi cao nhất là núi Lam Sơn, nơi LLợi khởi nghĩa và thắng giặc Minh xâm lược. -> Bài ca dao không hỏi về độ sâu, cao của sông núi theo nghĩa đen mà nói về truyền thống đánh giặc giữ của dân tộc*

*=> Thái độ: tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước; thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước*

***3.Bài 3***

*-Vẻ đẹp vùng đất Bình Định*

*+ “núi Vọng Phu”: ca ngợi lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ*

*+ “đầm Thị Nại”: là danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, gợi nhắc chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, Bình Định*

*+ “cù lao Xanh”: cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp*

*+ “bí đỏ nấu canh nước dừa-> món ăn dân dã, mang đặc trưng riêng*

*-Nghệ thuật: điệp từ “có”*

*=> Bài ca dao không chỉ gợi ra cảnh trí thiên nhiên, non nước mà còn ẩn chứa vẻ đẹp tâm hồn, cốt cách, truyền thống, văn hóa của vùng đất Bình Định.*

*4.* ***Bài 4:***

*- Hình ảnh: “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”: sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên hào phóng ban tặng cho vùng Đồng Tháp Mười - Nghệ thuật: điệp từ “sẵn.*

*=>Thể hiện niềm tự hào về sự giàu có, trù phú của thiên nhiên vùng sông nước*

***5. Đặc điểm thể thơ lục bát qua bài ca dao***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm thể loại thơ lục bát*** | ***Biểu hiện trong bài ca dao số 3*** |
| *Số dòng thơ* | *4dòng (2dòng lục,2dòng bát)* |
| *Số tiếng trong từng dòng* | *Mỗi dòng lục có 6 tiếng,dòng bát có 8 tiếng* |
| *Vần trong các dòng thơ* | *Phu-dù; xanh-canh- can* |
| *Nhịp thơ của từng dòng* | *Dòng 1:2/4 Dòng 2: 4/4*  *Dòng 3: 4/2 Dòng 4: 4/4* |

***6. Những hình ảnh độc đáo trong ca dao***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Bài CD*** | ***Từ ngữ, hình ảnh độc đáo*** | ***Giải thích*** |
| ***1*** | *Phồn hoa thứ nhất Long Thành*  *Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.* | *Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp, tấp nập đường* |
| ***2*** | *Sâu nhất là sông Bạch Đằng/*  *Ba lần giặc đến,ba lần giặc tan.* | *Thể hiện được vẻ đẹp và lòng tự hào về lịch sử chống ngoại xâm của quê hương.* |
| ***3*** | *Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh* | *Câu ca dao gợi đến những danh thắng gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc đồng thời thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương* |
| ***4*** | *tôm sẵn bắt, trời sẵn ăn* | *Hình ảnh thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân T.Mười.* |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài ca dao số 1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Gv chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau vào giấy A0 sau đó lên thuyết trình (hãy dán những hình ảnh mà nhóm sưu tầm được vào giấy A0)

*+ Em hãy kể tên một số con phố mà em biết? Theo em, thông thường tên đường, tên phố hay được đặt tên như thế nào?*

*+ Trong bài ca dao, những con phố nào được nhắc đến? Cách đặt tên phố ở Thăng Long xưa có gì đặc biệt?*

*+ Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? Nêu tác dụng?*

*+ Tình cảm của “người về” được thể hiện như thế nào?*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**B3: Báo cáo thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

+ Các con phố ở nước ta thường đặt tên bằng cách lấy theo tên của các danh nhân, những người có công lao lớn: Phố Nguyễn Du, Nguyễn Huệ; Hai Bà Trưng, Phan Đình Phùng….

+ Tên phố ở Thăng Long xưa thường gắn liền với các sản phẩm buôn bán chính tại đó. Phố Hàng Bạc thường sẽ bán bạc, phố Hàng Chiếu Thì bán chiếu; phố Hàng Bông sẽ làm nghề bật bông, bán chăn bông, đệm; Phố Hàng Gà là nơi tập trung các cửa hàng bán các loại gia cầm.

**

**

**

**NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài số 2`**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Gv tổ chức thảo luận nhóm theo hình thức nhóm đôi kết hợp **PHT số 1** để tìm hiểu bài ca dao số 2

+ Hình thức bài ca dao số 2 có gì đặc biệt?

+ Tìm hiểu về lời đố của cô gái và lời đáp của chàng trai? Qua đó em nhận thấy vẻ đẹp nào của đất nước được nhắc tới?

+ Cảm xúc, thái độ của tác giả dân gian được thể hiện như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài số 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên sử dụng kĩ thuật phòng tranh

\* Tìm hiểu bài ca dao

+ Vùng đất Bình Định được nhắc tới qua những địa danh và món ăn nào? Theo em những địa danh và món ăn đó gợi ra điều gì?

+ Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài ca dao? Nêu tác dụng của biện pháp đó?

+ Cảm nhận của em về vẻ đẹp của vùng đất Bình Định?

\* Tìm hiểu đặc điểm thể loại lục bát qua bài ca dao số 3

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm thể loại thơ lục bát** | **Biểu hiện trong bài ca dao số 3** |
| Số dòng thơ |  |
| Số tiếng trong từng dòng |  |
| Vần trong các dòng thơ |  |
| Nhịp thơ của từng dòng |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài số 4**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” giúp em hiểu gì về vùng Đồng Tháp Mười?

+ Nhận xét về tác dụng của biện pháp nghệ thuật có trong bài ca dao số 4?

+ Em hãy cho biết tình cảm của tác giả với vùng đất này?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

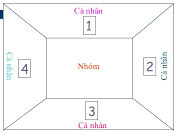
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài số 5**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Những vẻ đẹp nào của quê hương đất nước được thể hiện xuyên suốt trong bốn bài ca dao vừa học? Qua đó, tác giả dân gian thể hiện tình cảm gì đối với quê hương? Dựa vào đâu em nhận định như vậy?



- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-Hs suy nghĩ làm viêc cá nhân, sau đó thảo luận theo nhóm và ghi vào phiếu

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 2-3 em trong các nhóm trình bày sản phẩm và các nhóm khác nhận xét

- Hs báo cáo sản phẩm; nhận xét, bổ sung, phản biện

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- Bốn bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương từ Bắc tới Nam: vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh vật; con người, truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, vẻ đẹp văn hoá của các vùng miền*

*=> Qua đó tác giả dân gian thể hiện niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước.*

**NV6: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài số 6**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*+ Học sinh kẻ bảng trang 66 vào tập*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

 - HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs suy nghĩ làm viêc cá nhân

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 3-5 em trình bày sản phẩm và HS khác nhận xét

- Hs báo cáo sản phẩm; nhận xét, bổ sung, phản biện

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

***\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS***

***Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương***

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

- Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng PHT số 3 làm bài tập và để ghi lại những điều biết được qua văn bản, những điều còn băn khoăn

**c. Sản phẩm:**

- Hs đưa ra được qua điểm, ý kiến cá nhân và lí giải

- Tùy theo từng địa phương để đưa ra câu ca dao phù hợp

- Mảnh ghép bí mật là phố Hàng Mã

*Phố Hàng Mã*

+ Phố Hàng Ngang

+ Phố Hàng Gà

+ Phố Hàng Da

+ Phố Hàng Bát

+ Phố Hàng Buồm

+ Phố Hàng Nón

+ Hàng than

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Trong 4 bài ca dao trên, em thích bài nào nhất? Vì sao? Em hãy đọc một bài ca dao về địa phương mình (vùng/tỉnh/huyện/xã….) và nêu cảm nhận về bài cao dao đó?

+ GV tổ chức một trò chơi “Mảnh ghép bí mật”

Mảnh ghép bí mật là tên một con phố. Để mở được các mảnh ghép bí mật, học sinh phải trả lời đúng câu đố.

1. Phố gì có dáng lừ lừ cua đi?

2. Phố gì vật gáy hừng đông rạng dần?

3. Phố gì bao bọc quanh thân thể mình?

4. Phố gì tới bữa cầm tay?

5. Phố gì căng gió ra khơi?

6. Phố gì che nắng che mưa mái đầu?

7. Phố gì đen nhẻm trời ơi?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại

Cho đến nay, Phố Cổ vẫn là khu buôn bán nhộn nhịp nhất của Hà Nội. Tuy nhiên đa phần các con phố đã đổi mặt hàng buôn bán, không còn sản xuất các mặt hàng theo tên gọi trước kia nữa. Như phố Hàng Gà chuyển qua in thiệp cưới, phố Hàng Than thì bán đa dạng các mặt hàng… Phố Hàng Mã có lẽ là một trong những con phố còn lại bán những mặt hàng theo đúng tên gọi “hàng mã”. Vào mỗi dịp lễ tết, đặc biệt là Tết trung thu, người dân HN thường lên phố Hàng Mã để thưởng thức không khí, chụp ảnh mà mua sắm những món đồ chơi yêu thích.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc của em về vẻ đẹp quê hương em.

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và viết đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc của em về vẻ đẹp quê hương em.

**B3: Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

***Tiết 32***

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học ở bài 1 và 2.

**2. Về năng lực:**

- Tóm tắt được nội dung chính của các các văn bản trong cùng chủ đề

- Nhận biết và kí giải được sự kiện, chi tiết đặc sắc trong ba văn bản

- Viết được đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: chịu khó tìm học tài liệu và làm bài tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tâp của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*

**Câu 1: Trong truyện *Sự tích Hồ Gươm*, ai là người trực tiếp nhận được lưỡi gươm thần?**

1. Lê Lợi. B.Nguyễn Trãi.
2. **Lê Thận. C.**Nghĩa quân Lam Sơn.

**Câu 2: Trong truyện *Sự tích Hồ Gươm*, gươm thần đã về tay nghĩa quân Lam Sơn bằng cách nào?**

A.LQuân tặng gươm thần cho Lê Thận, Lê Thận tặng lại nghĩa quân Lam Sơn.

**B.Lê Thận vớt được gươm từ dưới sông lên, Lê Lợi lấy được chuôi gươm từ ngọn cây xuống, về sau, chắp lại vừa như in, thành gươm báu.**

C.Lê Lợi vớt được gươm từ dưới sông ln, Lê Thận lấy được chuôi gươm từ ngọn cây xuống, về sau, chắp lại vừa như in, thành gươm báu.

D.Lê Lợi viết sớ cầu xin Long Quân cho mượn gươm báu về đánh giặc.

**Câu 4: Trong truyện Thánh Gióng chi tiết nào không đúng khi nói về sự ra đời của Gióng?**

1. Bà mẹ thấy vết chân to, liền đặt chân ướm thử, … về nhà bà thụ thai
2. Mang thai 12 tháng mới sinh Gióng
3. Lên ba tuổi vẫn không biết đi, không biết nói cười
4. **Mẹ Gióng mang thai, hơn 9 tháng sau sinh ra một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô, tuấn tú**

**Câu 5: Trong truyện *Sự tích Hồ Gươm*, vì sao Lê Lợi nhận gươm ở Thanh Hóa nhưng lại trả ở Hồ Gươm?**

1. **Thể hiện tư tưởng hòa bình khắp trên mọi miền đất nước.**
2. Vì lúc này Lê Lợi đang cưỡi thuyền rồng ở Hồ Gươm.
3. Vì đây là lời hẹn ước giữa Lê Lợi và Lê Thận.
4. Vì khi giao gươm, Long Quân đã giao ước phải trả gươm ở hồ Tả Vọng.

**Câu 6: Truyện *Sự tích Hồ Gươm* giải thích điều gì?**

1. **Tên gọi Hồ Gươm nhưng cũng nói lên khát vọng của nhân dân ta muốn sống trong hóa bình, hạnh phúc, không phải dùng vũ khí chiến tranh.**
2. Về việc mượn gươm và trả gươm ở Hồ Gươm.
3. Về mỗi quan hệ giữa Lê Lợi và Lê Thận.
4. Hiện tượng kỳ lạ và thần kỳ của thanh gươm.

**Câu 8: Thành ngữ “Chết như rạ” có nghĩa là:**

**A. Chết rất nhiều B.** Chết do bị bắn

C. Chết không sống sót một ai D. Chết cháy do đốt rạ

**Câu 9: Trong truyện Thánh Gióng, sau khi gặp sứ giả, Gióng đã có những thay đổi như thế nào?**

1. Yêu đời, thích ca hát B. **Gióng lớn nhanh như thổi**
2. Gióng học võ. D.Gióng trở thành một thanh niên khôi ngô, tuấn tú.

**Câu 10: Tại sao lại khẳng định *Sự tích Hồ Gươm* là một truyền thuyết?**

1. Vì có nhiều yếu tố hoang đường, kỳ ảo.
2. Vì có sự xuất hiện của Rùa Vàng.

**G.Vì câu chuyện lịch sử về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể lại bằng trí tưởng tượng phong phú có màu sắc kỳ ảo, bằng sự sáng tạo của nhân dân.**

1. Vì có sự xuất hiện của thanh gươm thần.

**Câu 11: Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?**

1. Nhanh nhẹn. B.Xốp xồm xộp. C.**Mặt mũi.** D. Đèm đẹp.

**Câu 12: Trong các từ sau, từ nào không phải từ ghép?**

1. Xuân xanh. B.Hoan hỉ. C. Đi đứng. D.**Lả lướt.**

**Câu 13: Trong các cụm từ sau, cụm từ nào không phải là thành ngữ?**

1. Chết như ngả rạ. B. **Cách mạng 4.0.**

C.Chết mê chết mệt. D. Chỉ lối đưa đường.

**Câu 15: Thành ngữ *vui như tết* có nghĩa là gì?**

1. **Cảnh vui nhộn nhịp, tưng bừng, đầy khí thế.**
2. Vui vẻ, hồn nhiên, hay nhảy nhót, nói cười.
3. Có cảm giác dễ chịu, phấn khởi vì được vừa ý
4. Vui vì thấy cảnh vật có sự thay đổi.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài tập của HS.

***Câu 1: Tóm tắt nội dung chính của ba văn bản truyền thuyết***

|  |  |
| --- | --- |
| ***V.bản*** | ***Nội dung chính*** |
| *Thánh Gióng* | *- Vào thời vua Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng, có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ, tốt bụng và ao ước có một đứa con.*  *- Một hôm, bà ra đồng thấy một vết chân to ướm thử. Bà sinh ra Gióng, lên ba vẫn không biết nói cười.*  *- Giặc Ân xâm lược, vua sai sứ giả rao tìm người tài cứu nước, nghe tiếng rao, Gióng liền nói được ngỏ lời xin đi đánh giặc. Vua cho mang ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt đến, Gióng vươn vai cao hơn trượng, phi ngựa xông vào trận, giặc tan.Gióng lên đỉnh núi, cởi bỏ áo giáp sắt, cả người lẫn ngựa từ từ bay về trời.*  *- Vua nhớ công ơn, cho lập đền thờ.* |
| *Sự tích*  *Hồ*  *Gươm* | *- Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.*  *- Lên Thận đi đánh cá, ba lần kéo lưới đều thấy lưỡi gươm, bèn mang về nhà.*  *- Lê Lợi đến nhà Thận, thấy lưỡi gươm phát sáng, cầm lên xem.*  *- Lê Lợi thua trận, chạy vào rừng, tình cờ bắt được chuôi gươm.*  *- Lê Lợi gặp lại Thận, kể lại truyện, hai người đem gươm ra tra vào nhau vừa như in. Lê Thận cùng tướng lĩnh nguyện một lòng phò Lê Lợi cứu nước. Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét*  *sạch giặc ngoại xâm.*  *- Đất nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, LQuân sai Rùa Vàng đòi lại gươm thần.*  *- Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.* |
| *Bánh chưng, bánh giầy* | *- Hùng Vương thứ sáu về già muốn truyền ngôi cho người con nào tài giỏi.*  *- Các hoàng tử đua nhau làm cỗ thật hậu, riêng Lang Liêu được thần mách bảo, dùng gạo làm hai thứ bánh dâng vua.*  *- Vua cha chọn bánh của lang Liêu để tế trời đất cùng Tiên Vương và nhường ngôi cho chàng.*  *- Từ đó nước ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy vào ngày tết.* |

***Câu 2: Liệt kê một số sự kiện, chi tiết mà em cho là đặc sắc, đáng nhớ nhất trong ba văn bản đã nêu. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Thánh Gióng*** | ***Sự tích Hồ Gươm*** | ***B chưng, bánh giầy*** |
| *Sự*  *kiện, chi*  *tiết* | *- Gióng cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói đòi đi đánh giặc.*  *-Cả dân làng góp gạo nuôi G*  *- Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai trở thành tráng sĩ.*  *- Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc*  *- Giặc tan, Gióng bay về trời.* | *- Khi tra chuôi gươm vào lưỡi gươm thì vừa như in.*  *- Chi tiết Rùa Vàng đòi gươm* | *- Chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng, lấy gạo làm bánh lễ Tiên vương* |
| *Lí*  *Do*  *lựa chọn* | *Những chi tiết trên thể hiện được ý nghĩa, nội dung, chủ đề của truyện: Gióng là hình tượng người anh hùng đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước, cho ý thức đánh giặc cứu nước của nhân dân ta.* | *- Chi tiết tra chuôi gươm vào lưỡi gươm cho thấy đó là sự thống nhất sức mạnh, ý chí của cả dân tộc, cuộc chiến đấu này là thuận theo ý trời.*  *- Chi tiết Rùa Vàng đòi gươm mang nhiều ý nghĩa: giải thích tên gọi Hồ Gươm, đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn và tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.* | *Chi tiết tưởng tượng này có ý nghĩa đề cao lao động, đề cao trí thông minh sáng tạo của con người.* |

***Câu 3. Khi đọc một văn bản truyền thuyết, cần lưu ý những đặc điểm của thể loại này:***

*- Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.*

*- Nhân vật trong truyện là con người, loài vật, đồ vật được nhân hoá. Nhân vật thường có các đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng; thường gắn với sự kiện ịch sử và có công lớn đối với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ*

*- Cốt truyện là chuỗi các sự việc được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có liên quan chặt chẽ với nhau. Truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh của nhân vật.*

*- Truyện thể hiện thái độ, tình cảm và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử.*

***Câu 4.*** *Khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ, cần lưu ý:*

*- Bước 1: Cần đọc kĩ văn bản cần tóm tắt, xác định văn bản gồm mấy phần hoặc mấy đoạn, mối quan hệ giữa các phần đó. Tìm từ khoá và ý chính của từng phần hoặc đoạn. Từ đó xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ.*

*- Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, dựa trên số phần hoặc số đoạn, xác định số ô hoặc số bộ phận cần có trong sơ đồ. Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất*

*- Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ, xem các ý chính của văn bản đã đủ và rõ chưa, cách thể hiện về các phần, đoạn, ý chính và quan hệ giữa chúng đã phù hợp chưa.*

***Câu 5.*** *Bài học giúp em hiểu thêm những về lịch sử của dân tộc Việt Nam, là một dân tộc có truyền thống đấu tranh anh hùng, dù phải đối mặt với nhiều kẻ thù nhưng các thế hệ vẫn giữ vững chủ quyền dân tộc. Đó còn là tinh thần đoàn kết, chung sức chung lòng tạo thành sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân ta. Không những vậy, nước ta còn có nhiều truyền thống văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc, có ý nghĩa sâu sắc và được truyền đời qua nhiều thế hệ.*

***Kết luận kiến thức cần nhớ:***

***I. Đặc điểm của truyện truyền thuyết:***

*- Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.*

*- Nhân vật trong truyện là con người, loài vật, đồ vật được nhân hoá. Nhân vật thường có các đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng; thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng, được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.*

*- Truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, thường sử dụng các yếu tố kì ảo, hoang đường nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh của nhân vật.*

*- Truyện thể hiện thái độ, tình cảm và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử.*

***II. Các văn bản truyền thuyết đã học:***

*- Thánh Gióng*

*- Sự tích Hồ Gươm*

*- Bánh chưng, bánh giầy (HS tự học )*

***III.******Khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ tư duy em cần lưu ý:***

*- Bước 1: Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt*

*- Bước 2: Tóm tắt băn bản bằng sơ đồ*

*- Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ*

***IV. Ý nghĩa qua các bài học truyền thuyết:***

*- Giúp em hiểu thêm những về lịch sử của dân tộc Việt Nam, là một dân tộc có truyền thống đấu tranh anh hùng, dù phải đối mặt với nhiều kẻ thù nhưng các thế hệ vẫn giữ vững chủ quyền dân tộc. Đó còn là tinh thần đoàn kết, chung sức chung lòng tạo thành sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân ta.*

*- Giúp em hiểu thêm nhiều truyền thống văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc, có ý nghĩa sâu sắc và được truyền đời qua nhiều thế hệ.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm thực hiện

Nhóm 1: câu 1,2

Nhóm 2: câu 2,3

Nhóm 3: câu 3,4

Nhóm 4: câu 4,5

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận nhận định**

- GV kết luận

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**  Củng cố lại kiến thức đã học.

- HS hệ thống lại được kiến thức đã học trong bài qua các bài tập tiếng Việt

- HS rút ra được những kinh nghiệm, bài học cho bản thân

**b.Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c.Sản phẩm:** Bài nộp của HS

*Bài 1.*

*a) Gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật: lủi thủi, rười rượi, rón rén*

*b) Gợi tả âm thanh: véo von*

*Bài 2.*

*a.Các từ láy được tạo thành: Nhỏ nhắn, nhức nhối, chênh vênh, tan tành, long lanh, nhẹ nhàng, lắp bắp*

*b.HS tự đặt câu: “Nhỏ nhắn”: Cô giáo em có mái tóc dài, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng hồng.*

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm thực hiện

Bài tập:

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. (Sọ Dừa)

a) Gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật, ví dụ: lom khom.

b) Gợi tả âm thanh, ví dụ: ríu rít.

**Bài 2.**

a.Cho các tiếng sau, em hãy tạo thành các từ láy: *nhỏ, nhức, chênh, tan, long, nhẹ, lắp*.

b. Đặt 2 câu có sử dụng mỗi câu 1 từ láy (với các từ láy vừa tìm được).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và luyện tập

- GV quan sát, hỗ trợ

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**B4: Kết luận nhận định**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số đề khác

**b. Nội dung:** đề luyện

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

(HS làm đề bài, minh họa bên dưới)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và luyện tập

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận nhận định**

**ĐỀ BÀI**

“ Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xúi, bĩu môi, không muốn cầm đũa . Biết ý, Thạch Sanh dố họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trong thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước.

Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh.”

**PHẦN A. ĐỌC HIỂU**

**Câu 1:** 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?

1. Sọ Dừa. C. Thạch Sanh.
2. Em bé thông minh. D. Bánh chưng, bánh giầy.

**Câu 2**: Hãy xác định thể loại truyện của đoạn trích trên?

1. Ngụ ngôn. C. Truyền Thuyết.
2. Cổ tích. D. Truyện cười .

**Câu 3:** Xác định nhân vật chính trong đoạn trích?

1. Mẹ con Lí Thông. C. Lí Thông.
2. Thạch Sanh và Lí Thông. D. Thạch Sanh.

**Câu 4**: Trong đoạn văn trên có bao nhiêu yếu tố kỳ ảo ?

1. Một yếu tố kì ảo. C. Ba yếu tố kì ảo.
2. Hai yếu tố kì ảo. D. Bốn yếu tố kì ảo.

**Câu 5:** Các sự việc trong đoạn văn được sắp xếp theo trình tự nào?

1. Thời gian – sự việc. C. Trình tự không gian.
2. Sự việc này nối tiếp sự việc khác. D. Trình tự thời gian.

**Câu 6**: Đoạn văn trên được viết theo kiểu văn bản nào?

1. Miêu tả. C. Giới thiệu.
2. Tự sự. D. Thuyết minh.

**Câu 7**: Có bao nhiêu từ láy có trong 2 câu sau**: “*Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa”***.

1. Một từ láy. C. Ba từ láy.
2. Hai từ láy. D. Bốn từ láy.

**Câu 8**: Hãy xác định ngôi kể trong đoạn trích trên?

1. Ngôi thứ nhất. C. Ngôi thứ hai.
2. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ ba số nhiều.

**Câu 9** : Trạng ngữ là gì? (1 điểm)

**Câu 10**: Hãy đặt một câu có sử dụng trạng ngữ và nêu ý nghĩa của trạng ngữ đó? (1 điểm)

**PHẦN B: VIẾT. (4,0 điểm)**

**Đề bài:** Hãy kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết mà em đã đọc hoặc nghe kể (lưu ý: không sử dụng các truyện có trong SGK Ngữ văn 6 – Tập 1).

mình.

**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI**

**A. ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | B | D | B | D | B | A | B |

**Câu 9:** Trạng ngữ là gì? (1 điểm)

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, …. Của sự việc nêu trong câu.

**Câu 10:** (1 điểm) Đặt câu có sử dụng trạng ngữ. Giải thích đúng ý nghĩa của trạng ngữ

VD: Hôm qua, em đi học. (0,5 điểm).

* Trạng ngữ: Hôm qua – Chỉ thời gian (0,5 điểm).

**B. PHẦN VIẾT: (5.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\* Yêu cầu chung:** | | **Điểm** |
| a.  **Kĩ năng:**  - Thể loại: Tự sự  - Ngôi kể thứ ba.  - Truyện ngoài sách giáo khoa.  - Biết cách lập ý và xây dựng bố cục của bài văn tự sự 1 cách mạch lạc trong suy nghĩ và bám sát nội dung theo bố cục 3 phần( mở bài, thân bài, kết bài).  - Diễn đạt trong sáng, giọng văn có cảm xúc mạch lạc, tình cảm chân thành, kể bằng lời văn của em.  b. **Hình thức:**  - Tạo đươc 1 bố cục 3 phần mạch lạc, hình thức các đoạn văn trình rõ ràng  - Chữ viết sạch đẹp không mắc lỗi chính tả  - Dung lượng bài viết hợp lí. | |  |
| **\* Yêu câu cụ thể:** Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý | |  |
| **Mở bài** | Giới thiệu câu chuyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em đã học hoặc nghe kể (Câu chuyện trong sách giáo khoa) ( Giới thiệu câu chuyện, lý do muốn kể lại vâu chuyện) | **0,5** |
| **Thân bài** | - Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.- Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra theo trình tự thời gian. - Kể lại các yếu tố kỳ ảo. | **1,0**  **1,0**  **1,0** |
| **Kết bài** | Nêu kết thúc của câu chuyện, cảm nghĩ của học sinh qua câu chuyện đó. | **0,5** |

**Tiết 33- 34**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**MÔN : Ngữ văn ; Lớp 6**

*Thời gian thực hiện: 90 phút*

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ**

***a.Kiến thức***

-Hiểu được đặc điểm truyện cổ tích: thể loại, chi tiết, ý nghĩa các chi tiết tiêu biểu, chi tiết kì ảo trong truyện,…

- Biết xác định được từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy), trạng ngữ

- Học sinh biết cách viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết/cổ tích bằng lời văn của em

***b.Kĩ năng***

- Nhận biết thể loại truyện dân gian, cách xây dựng hình ảnh, đặc điểm thể loại.

- Phân biệt được từ phức (từ ghép và từ láy); hiểu ý nghĩa của trạng ngữ.

- Viết, kể lại truyện truyền thuyết/cổ tích.

***c.Thái độ:***  Giáo dục học sinh ý thức, tự giác, trung thực, tự tin và cẩn thận.

**2. Định hướng phát triển năng lực học sinh**

-Năng lực chung: Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ

-Năng lực riêng biệt: Năng lực đọc hiểu văn bản; năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thực hành tạo lập văn bản.

**II. BẢNG MÔ TẢ MA TRẬN ĐỀ:**

**III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:**

**IV. ĐỀ KIỂM TRA :**

**V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM :**

**VI. THỐNG KÊ KẾT QUẢ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Kém** | | **Yếu** | | **TB** | | **Khá** | | **Giỏi** | | **TB trở lên** | |
| 0.0 đến < 3.5 | | 3.5 đến < 5.0 | | 5.0 đến < 6.5 | | 6.5 đến < 8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VII. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. …………………………………………………………………………………………………………………..

**………………………………………**

**Tiết 35-36**

**VĂN BẢN 2:**

**VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA**

***(Nguyễn Đình Thi)***

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

-  Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên và vẻ đẹp của con người Việt Nam

- Đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện trong văn bản “Việt Nam quê hương ta”.

**2.Năng lực:**

- Nhận biết được các đặc điểm của thể thơ lục bát: số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.

-Nhận biết và phân tích được những nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết hiện qua ngôn ngữ VB;

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

- Trách nhiệm: Giữ gìn những hình ảnh, truyền thống tốt đẹp của quê hương.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3,4

- Tranh ảnh liên quan đến truyện cổ tích Sọ Dừa

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, dẫn dắt vào bài học

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề/ Gv trình chiếu hình ảnh để học sinh quan sát, chia sẻ hiểu biết, suy nghĩ về bức tranh

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ**

+ Nếu chọn một hình ảnh làm biểu tượng cho Việt Nam, em sẽ chọn hình ảnh nào?

+ Em biết bài thơ hoặc bài hát nào viết về quê hương?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận, trao đổi

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi hs 2-3 hs bất kì trả lời

\* Nếu chọn hình ảnh làm biểu tượng cho Việt Nam, em sẽ chọn cảnh đẹp Hồ Gươm. Vì hình ảnh Hồ Gươm nằm giữa thủ đô Hà Nội với làn nước xanh biếc, gắn với câu chuyện kể về truyền thuyết đầy ý nghĩa lịch sử.

Hoặc: em chọn hình ảnh vịnh Hạ Long vì đây là vùng biển tuyệt đẹp, được UNESCO hai lần công nhận là di sản thiên nhiên của thế giới.

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Sau khi Hs chia sẻ quan điểm cá nhân, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản thơ

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Nhận thức của Hs

***I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN***

***1. Đọc văn bản***

***2. Tìm hiểu chung***

*a. Tác giả: Nguyễn Đình Thi*

*b. Tác phẩm*

*- Thể loại:**Thơ lục bát*

***-*** *Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hướng dẫn học sinh đọc về tìm hiểu chú thích**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn học sinh cách đọc

+ GV đọc diễn các câu thơ lục bát, hướng dẫn học sinh cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả về về vẻ đẹp quê hương.

+ Tổ chức cho học sinh đọc trong nhóm hoặc trên lớp.

+ GV hướng dẫn HS chú ý về câu hỏi tưởng tượng, liên hệ

- Hướng dẫn hs giải nghĩa từ bằng trò chơi "Hái hoa dân chủ". Mỗi cánh hoa là một từ khóa cần làm sáng tỏ. Giải nghĩa được từ sẽ được cộng điểm

- HS lắng nghe.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý

**B3: Báo cáo thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 2: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**1-Tìm hiểu vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam:**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Tìm được chi tiết miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước Việt Nam.

- Tìm được chi tiết miêu tả vẻ đẹp con người Việt Nam.

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b.Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c.Sản phẩm:**

***II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI***

***1-Vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam:***

***\*Vẻ đẹp thiên nhiên***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Vẻ đẹp thiên nhiên* | *Xác định* | *Tác dụng* |
| *Những hình ảnh tiêu biểu* | *“biển lúa” , “cánh cò”., “mây mờ”., “núi Trường Sơn”., “hoa thơm quả ngọt”* | *Bức tranh thiên nhiên gần gũi, thân thuộc, tươi sáng, đẹp đẽ, yên bình, khoáng đạt. Nền cảnh đặc trưng của Việt Nam* |
| *Màu sắc* | *+ Màu xanh của lúa, núi non, nền trời.*  *+ Màu trắng cánh cò, mây.*  *+ Màu của hoa thơm quả ngọt.* |
| *Biện pháp nghệ thuật* | *+ Ẩn dụ: Biển lúa*  *+ So sánh: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn* |

***\*Vẻ đẹp con người***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ***Vẻ đẹp con người VN*** | ***Từ ngữ, hình ảnh*** | ***BPNT*** |
| ***1*** | *Chịu thương, chịu khó* | *-Chịu nhiều thương đau*  *-Mặt người vất vả in sâu* |  |
| ***2*** | *Kiên cường, bất khuất* | *-Đất nghèo nuôi những anh hùng*  *-Chìm trong máu lửa ,vùng đứng lên*  *-Đạp quân thù xuống đất đen* | *-Nhân hóa*  *-Nói quá* |
| ***3*** | *Giản dị*  *hiền lành , chung thủy* | *-Aó nâu nhuộm bùn*  *-Súng gươm vứt bỏ hiền như xưa*  *-Mắt đen cô gái long lanh*  *-Yêu ai yêu trọn tâm tình thủy chung* | *-Đảo ngữ* |
| ***4*** | *Tài năng, khéo léo* | *-Trăm nghề của trăm vùng*  *-Tay người như có phép tiên*  *-Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ* | *-So sánh* |

|  |  |
| --- | --- |
| *Từ ngữ, hình ảnh* | *Tình cảm của tác giả* |
| *+Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn,*  *+ Quê hương biết mấy thân yêu*  *+Bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương*  *+Mặt người vất vả in sâu* | *-Ca ngợi tự hào về đất nước, quê hương*  *-Tình yêu thắm thiết*  *-Thấu hiểu, đồng cảm với những vất vả đau thương của nhân dân* |

**d.Tổ chức thực hiện**

**\**Tìm hiểu vẻ đẹp thiên nhiên***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm.

- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vẻ đẹp thiên nhiên | Xác định | Tác dụng |
| Những hình ảnh tiêu biểu |  |  |
| Màu sắc |  |
| Biện pháp nghệ thuật |  |

1. Tìm những từ ngữ thể hiện hình ảnh, màu sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương ?

2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh của cảnh sắc quê hương?

3. Em có nhận xét gì về cảnh sắc quê hương?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)

- Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

**GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 2

- Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp ẩn dụ “biển lúa” nhằm tác dụng gì?).

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình

***\*Tìm hiểu vẻ đẹp của con người Việt Nam***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**-** Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi:

1. Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh, từ ngữ đặc sắc được dùng để khắc hoạ vẻ đẹp của con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại.

2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh của con người Việt Nam?

3. Em có nhận xét gì về con người Việt Nam?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong bài thơ.

HS Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện vẻ đẹp của con người Việt Nam để hoàn thiện phiếu học tập.

- Suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).

HS Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức

***2-Tình cảm của tác giả***

***a.* Mục tiêu**: Giúp HS

- Hiểu được tình cảm của tác giả

- Bồi dưỡng tình cảm, thái độ đối với quê hương

**b.Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm theo KT khăn phủ bàn.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c. Sản phẩm**- Từ ngữ, hình ảnh: “đâu trời đẹp hơn”, “biết mấy thân yêu”, ...  
- Tình cảm tự hào, thương yêu vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên, đồng cảm, quý trọng những con người lịch sử hi sinh cho đất nước, ca ngợi tấm lòng thuỷ chung son sắc...

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Phát phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của tác giả  đối với quê hương, đất nước. | |
| Từ ngữ, hình ảnh | Tình cảm của tác giả |
|  |  |

- Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:

**?** Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)

- Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).

- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.

- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

-Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng kĩ thuật bản đồ tư duy. Học sinh hoàn thiện bản đồ tư duy để khái quát lại bài

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả sơ đồ tư duy của HS.

Học sinh khái quát lại được

- Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên

- Vẻ đẹp con người

- Nghệ thuật

- Tình cảm của tác giả

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia lớp thành 6 nhóm.

- Vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt đặc trưng nghệ thuật và giá trị nội dung của bài thơ.

- Thời gian: 15 phút

- Gv hướng dẫn cách vẽ và giới thiệu 1 số dạng sơ đồ tư duy để HS tham khảo.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

* Làm việc nhóm 10’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành sơ đồ tư duy).
* Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận (5’)

GV hướng theo dõi, quan sát HS vẽ, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhómbạn.

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Chốt ý và chuyển dẫn sang đề mục sau.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Mở rộng nâng cao kiến thức cho HS về ca dao.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

-GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc của em về con người và cảnh sắc quê hương.

- Nộp sản phẩm về GV.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và viết đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc của em về con người và cảnh sắc quê hương.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

===============================================================

**Tiết 37 ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**VỀ BÀI CA DAO “ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG**

**– *Bùi Mạnh Nhị* –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp đất nước

**2. Năng lực**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ

- Liên hệ, kết nối với VB “*Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*”, “*Việt Nam quê hương ta*” để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp quê hương; tự hào về quê hương, đất nước

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh liên quan đến truyện cổ tích Sọ Dừa

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

- Sưu tầm ca dao viết về cây lúa và sản phẩm từ lúa

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, dẫn dắt vào bài học

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề/ Gv trình chiếu hình ảnh để học sinh quan sát, chia sẻ hiểu biết, suy nghĩ về bức tranh

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

- Học sinh quan sát video và chia sẻ cảm nhận: cánh đồng lúa rộng mênh mông, bát ngát, xanh mơn mởn, tươi tốt…

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Giáo viên cho học sinh xem video về cánh đồng lúa và yêu cầu học sinh chia sẻ cảm nhận*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận, trao đổi

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi hs 2-3 hs bất kì trả lời

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV dẫn dắt vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

1. **Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Bùi Mạnh Nhị và văn bản về bài ca dao "Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng..."
2. **Nội dung**: - GV cung cấp thông tin để HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV
3. **Sản phẩm**.

***I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN***

***1. Đọc văn bản***

***2. Tìm hiểu chung***

***a. Tác giả:***

*- Bùi Mạnh Nhị (1955)*

*- Quê quán: Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*

*- Danh hiệu giải thưởng, huân huy chương:*

*-Nhà giáo Ưu tú  
-Huân chương Lao động hạng Nhất.*

***b. Tác phẩm***

*- PTBĐ chính: Nghị luận.*

*- Xuất xứ: Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.*

*- Bố cục: 3 phần*

*+ P1: Từ đầu …đầy sức sống*

* *Điểm đặc biệt về hình thức nghệ thuật*

*+ P2: Trên cái nền…thầm kín và hồn nhiên?”*

* *Mối quan hệ giữa cánh đồng và cô gái*

*+ P3: Phần còn lại*

* *Vấn đề bài thơ là lời của ai?*

**d)Tổ chức thực hiện**

***1.Tìm hiểu tác giả:***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà (Giao nhiệm vụ từ tiết trước).

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả Bùi Mạnh Nhị?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.

HS quan sát SGK.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình

***2-Tìm hiểu tác phẩm***:

a)**Mục tiêu**: Giúp HS

- Đọc và tìm hiểu chú thích

- Biết được PTBĐ chính và xuất xứ của văn bản

**b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời

**c) Sản phẩm**

*b. Tác phẩm*

*- Thể loại: Nghị luận văn học.*

*- Bố cục: 3 phần*

*+ Giới thiệu về bài ca dao*

*+ Phân tích bài ca dao*

*+ Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật của bài*

**d) Tổ chức thực hiện**

**Đọc và tìm hiểu chú thích**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.

- Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:

? Xác định và chỉ ra PTBĐ chính?

? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV:

- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

GV*:*

- Nhận xét cách đọc của HS.

- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 2: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ

- Liên hệ, kết nối với VB “*Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*”, “*Việt Nam quê hương ta*” để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản

**c. Sản phẩm học tập:**

***II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI***

*1. Vẻ đẹp thiên nhiên*

*- Những dòng thơ khác với dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng.*

*- Hai dòng thơ dùng nhiều biện pháp tu từ:*

*+ Phép đối xứng (Đứng bên ni đồng - Đứng bên tê đồng; Mênh mông bát ngát - Bát ngát mênh mông).*

*+ Điệp từ, điệp ngữ: Đứng bên, ni đồng, tê đông, mênh mông, bát ngát.*

*- Những từ ngữ chỉ hình ảnh địa điểm hồn nhiên, mộc mạc đầy tính địa phương: ni, tê.*

*→ Gợi sự mênh mông, to lớn, tươi đẹp của cảnh; sự thay đổi vị trí góc nhìn của con người.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Hình thức*** | ***Từ ngữ, hình ảnh*** | ***Biện pháp tu từ*** | ***Tác dụng*** |
| *-2 dòng thơ dài 12 tiếng* | *-Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát* | *-Sử dụng: đối ngữ, điệp ngữ* | *-Cánh đồng tươi đẹp, trù phú đầy sức sống trải dài vô tận* |
|  | *-Ni,tê* | *-Từ địa phương* | *-Cuộc sống dân dã, mộc mạc, hồn nhiên* |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm.

- Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

? Số tiếng trong bài có gì khác thường?

? Tìm và chỉ ra nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ?

? Từ hình thức nghệ thuậtđặc biệtđó, hãy cho biết các câu thơ gợi ra điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)

- Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình

**2. Mối quan hệ giữa cánh đồng và cô gái**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Tìm được chi tiết miêu tả vẻ đẹp của cô gái và cánh đồng lúa**.**

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm**

***2. Mối quan hệ giữa cánh đồng và cô gái***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Từ ngữ, hình ảnh*** | ***Biện pháp tu từ*** | ***Tác dụng*** |
| *-Đồng mênh mông, bát ngát*  *-Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai* | *-Đối ngữ*  *-So sánh* | *-Nổi bật hình ảnh cô gái nhỏ bé, mảnh mai, trẻ trung, duyên dáng giữa cánh đồng lúa quê hương.*  *-Chính đôi bàn tay của cô thôn nữ ấy đã làm nên cánh đồng mênh mông, bát ngát.* |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm.

- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh** | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** |
|  |  |  |

? Hai câu cuối tả ai? Tác dụng?

? Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào để tả? Tác dụng?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.

- Thảo luận nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV: Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.

Dự kiến KK: câu hỏi số 2

- Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (? Giải thích cách hiểu của em về: “lúa đòng đòng”, Phất phơ, Ngọn nắng hồng ban mai ?).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS  
- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

***3.Vấn đề bài thơ là lời của ai?***

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Biết được lời bài thơ là của ai**?** Việc đó thể hiện điều gì?

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời

**c) Sản phẩm:**

*- Bài có thể là lời của cô gái. → Lời tự khen thầm kín và hồn nhiên.*

*- Bài có thể là lời của chàng trai làng nào đó. → Ẩn sau tình cảm với cánh đồng quê hương là tình cảm lứa đôi kín đáo, tế nhị.*

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS đọc nội dung bài thơ SGK;

?Bài thơlà lời của ai**?** Việc đó thể hiện điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.

GV:Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GVchỉ định một vàiHS chia sẻ vài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp.

- Các HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức.

**4.Tình cảm của tác giả**

**a)Mục tiêu**: Giúp HS

- Hiểu được tình cảm của tác giả

- Bồi dưỡng tình cảm, thái độ đối với quê hương

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời

c) **Sản phẩm:**

*- Sự yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương (ví dụ như chi tiết tác giả nói về cánh đồng: cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống; đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống…).*

*- Thể hiện sự bất ngờ, thú vị bởi sự sâu sắc của bài thơ (bài ca dao gây ấn tượng ngay từ những dòng thơ đầu, tuy nhiên bài ca dao có thể còn mang nhiều tinh ý khác, tuỳ vào việc hiểu đó là lời ai nói, ai hát)…*

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS đọc nội dung văn bản SGK;

- HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.

GV:Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà vào cuối tiết hôm trước để HS chuẩn bị.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chỉ định một vàiHS chia sẻ vài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp.

- Các HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc đọc mở rộng theo thể loại.

- Nhận biết được thanh điệu, vần, nhịp trong thơ lục bát.

***b) Nội dung:***HS thực hành đọc cá nhân văn bản “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”.

***c) Sản phẩm:*** Đọc diễn cảm, đúng nhịp điệu thể hiện được tình cảm của người viết thông qua ngôn từ, hình ảnh.

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS đọc thầm tại chỗ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS: cách đọc và giọng đọc. GV đọc mẫu.

HS đọc thầm theo sự hướng dẫn của GV.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS đọc trước lớp.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá bài đọc của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc phần thưởng động viên.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

Trong bài thơ có nhắc đến cụm từ *“thân em”.* Em hãy tìm một vài câu ca dao cũng bắt đầu bằng từ *“thân em”*?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

**==============================================================**

**Tiết 38-39**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-  Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**2. Năng lực:**

- Nhận biết các loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**3. Phẩm chất:**

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3 - Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

**-**Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.

-HS xác định được mục tiêu của bài học.

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ” thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Giáo viên chuẩn bị nhiều thẻ từ khóa bày ra. Học sinh chia làm nhiều đội. Giáo viên đọc câu hỏi và phát hiệu lệnh. Đại diện các đội chạy lên cướp từ khóa là đáp án của câu hỏi. Sau một số câu hỏi nhất định đội nào có nhiều thẻ đáp án nhất thì đội đó thắng.

- Em hãy điền vào chỗ trống: “Trẻ em như ……………../Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.

- Em hãy tìm 1 từ láy để miêu tả hình dáng con đường trong bức tranh?

- Em hãy cho biết từ ngữ nào xuất hiện nhiều nhất trong đoạn văn:

“Quê hương em đẹp biết bao, nơi đây có đồng lúa chín vàng, những cánh cò trắng là là bay. Các cô bác nông dân chăm chỉ làm việc quanh năm suốt tháng. Những đứa trẻ mục đồng thổi sao trên lưng trâu. Dòng sông thơ mộng chảy quanh. Em gọi to: Quê hương! Quê hương ơi!!! Phải, quê hương, nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, đã cho ta tiếng khóc từ khi chào đời. Để cho quê hương giàu đẹp hơn, ta cần phải học tập, rèn luyện thật tốt để xây dựng quê hương.”

? Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: - Đọc và thực hiên yêu cầu.

* GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:-Trình bày kết quả làm việc.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\**Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt***

1. **Mục tiêu:** Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

**b) Nội dung**- Hiểu và phân biệt được nghĩa của từ- Nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các văn bản đã học trước đó.

**c) Sản phẩm:** Kết quả các bài tập

***I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT***

*\*Lựa chọn từ sử dụng*

*1-Cháu mời ông* ***xơi*** *cơm ạ!*

*2-Trong ngày sinh nhật em* ***tặng*** *bạn một món quà.*

*3-Nhiều chiến sĩ đã* ***hy sinh*** *trong khi làm nhiệm vụ chống lũ giúp nhân dân.*

*\*Giải thích:*

*-Căn cứ vào nghĩa sự việc được nêu trong câu, khả năng kết hợp của từ trong nhóm từ đồng nghĩa để lựa chọn từ thích hợp:*

*+ Câu 1: Cháu- ông quan hệ thứ bậc trong gia đình, cần thể hiện thái độ lễ phép, trang trọng nên chọn từ “Xơi”*

*+Câu 2: Bạn bè cùng lứa tuổi cần thể hiện thái độ, tình cảm thân mật dùng từ tặng*

*+ Câu 3: Chiến sĩ đã quên mình vì phục vụ cho nhân dân, cho đất nước nên chọ từ “hy sinh” để thể hiện được sự trang trọng, ca ngợi*

*-Chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của câu(văn bản) giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người viết hoặc nói muốn thể hiện.*

**d)Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Yêu cầu HS chọn từ thích hợp trong nhóm các từ đồng nghĩa để điền vào chỗ trống trong các câu sau

* 1. ăn, xơi, chén b-Mất, hy sinh, bỏ mạng

1-Cháu mời ông…………..cơm ạ!

2-Trong ngày sinh nhật em ***……..***bạn một món quà.

3-Nhiều chiến sĩ đã……………trong khi làm nhiệm vụ chống lũ giúp nhân dân.

Giải thích lý do vì sao em chọn như vậy?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ:**

HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn.

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.

**B4. Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét và chốt kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài tập sau khi đã hoàn thành

*1a.*

* *“phồn hoa” : cảnh sống giàu có, xa hoa*
* *“phồn vinh” : miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.*

*= > câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.*

*b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cơ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.*

*c.“ngẩn ngơ” : trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.*

*d. “bút hoa” : tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ*

=> sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.

*2. a. Từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu, nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.*

*b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.*

3.1e – 2g – 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d

4. *Các từ láy trong đoạn văn: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, bâng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến.*

*=>Nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc bình dị của bài ca dao*

* *Giúp người đọc hinh dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao.*

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bài 1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.

- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

**Bài 2**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp điệp từ.

**GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp điệp ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp?

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.

- HS báo cáo sản phẩm của mình.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

**Bài 3**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh nhất

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS thể lệ trò chơi:

* Cả lớp chia thành 2 nhóm.
* Gv trình chiếu câu hỏi lên bảng.
* Trong vòng 2p các đội hội nhóm với nhau và tìm câu trả lời.
* Hết thời gian qui định, các nhóm cử đại diện lên trả lời. Ai trả lời đúng và nhanh nhất giành chiến thắng.
* HS đọc bài tập và họp nhóm thảo luận.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

* HS trình bày sản phẩm của mình.
* Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A
* GV theo dõi, ghi nhận kết quả. **B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.

**Bài 4**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:

Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong bài tập 4

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Họp nhóm và hoàn thiện các bài tập được giao.

GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:- Trình bày kết quả làm việc nhóm

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

- Chốt kiến thức lên màn hình.

**D.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết và sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**VIẾT NGẮN**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách bảo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS

HS tìm các hình ảnh về quê hương Việt Nam và viết thành đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm thêm ví dụ các bài thơ được sáng tác bằng thể thơ lục bát và chỉ ra các yếu tố của thể thơ trong bài thơ đó?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài tiếp theo

===============================================================

***Tiết 40***

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**HOA BÌM**

***Nguyễn Đức Mậu***

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (thể thơ lục bát).

- Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố của thể thơ lục bát (số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp).

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu nước, trung thực, khiêm tốn;

- Yêu tiếng nói, văn hoá dân tộc.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức về thể thơ lục bát vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn (Thể thơ lục bát)

**b) Nội dung**:

? Kể tên một số thể thơ mà em biết?

? Trong số các bài thơ được học, đọc, em hãy cho biết bài thơ nào được viết theo thể thơ lục bát?

? Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời các câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS

- Xác nhận được thể loại của các bài thơ.

- Tri thức ngữ văn (thể thơ lục bát).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Kể tên một số thể thơ mà em biết?

? Trong số các bài thơ được học, đọc, em hãy cho biết bài thơ nào được viết theo thể thơ lục bát?

? Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- HS** lắng nghe và suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**: Chỉ định hai, ba HS trả lời.

**HS**: Trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS, chuyển dẫn vào hoạt động ***đọc mở rộng theo thể loại.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I-TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.**

**a)Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Nguyễn Đức Mậu và bài thơ “Hoa bìm”

**b)Nội dung**: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi **c)Sản phẩm**

***I-TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.***

***1. Đọc văn bản***

***2. Tìm hiểu chung***

***a. Tác giả***

******

*- Nguyễn Đức Mậu (1948 - Quê quán: xã Nam Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định  
- Từng giữ chức phó chủ tịch hội đồng Thơ - Hội nhà văn Việt Nam.* ***b. Tác phẩm*** *- Thể thơ: Lục bát.**- Xuất xứ: Thơ lục bát, NXB Quân đội nhân dân, 2007.**- PTBĐ chính: Biểu cảm.* **d)Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà (Giao nhiệm vụ từ tiết trước).

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả?

? Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ “Hoa bìm”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát SGK

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu trên màn hình.

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**\*ĐẶC ĐIỂM THƠ LỤC BÁT THỂ HIỆN QUA BÀI THƠ “HOA BÌM”**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS - Kết nối kiến thức về thể thơ lục bát vào nội dung bài học. - Khám phá tri thức Ngữ văn (Thể thơ lục bát)

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

1. **Sản phẩm:**

***II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI***

***1. Đặc điểm thể thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ:***

*- Bài thơ gồm các cặp câu lục bát:*

*+ Câu lục: 6 tiếng*

*+ Câu bát: 8 tiếng.*

*- Về cách gieo vần:*

*+ Tiếng thứ sáu của câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát kế nó: bìm-tìm, ngư-hờ, sai-vài, dim-chim, gầy-đầy, tơ-nhờ*

*+ Tiếng thứ tám câu bát vần với tiếng thứ sáu của câu lục kế theo: thơ-ngơ, gai-sai, chim-dim, mây-gầy*

*- Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4*

*- Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng.*

***2. Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương*** *khi gợi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thể hiện nỗi nhớ da diết và mong ước được trở về quê hương.*

***3. Nghệ thuật:*** *Bài thơ được làm bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ bình dị thể hiện nét gần gũi với cuộc sống chốn thôn quê. Tác giả đã sử dụng điệp từ “có” kết hợp với biện pháp liệt kê để gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: có con chuồn ớt lơ ngơ, có cây hồng trĩu cành sai, có con mắt lá lim dim, có con thuyền giấy….. Từ đó, tác giả đã vẽ lên một khung cảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi, sống động với người đọc và bộc lộ được cảm xúc, nỗi nhớ của mình với quê hương tuổi thơ.*

**d)Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS đọc nội dung bài thơ SGK;

- HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

? Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên?

? Xác định tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ?

? Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**:

- Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân tại nhà và dự kiến kết quả làm việc của bản thân vào giấy note.

**GV**: Theo dõi, quan sát, giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**- GV** chỉ định một vài HS chia sẻ bài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp.

- HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và hướng dẫn HS chốt kiến thức về thể loại lục bát.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:*** - Vận dụng kiến thức của bài học vào việc đọc mở rộng theo thể loại.

- Nhận biết được thanh điệu, vần, nhịp trong thơ lục bát.

***b) Nội dung:*** HS thực hành đọc cá nhân văn bản “Hoa bìm”.

***c) Sản phẩm:***Đọc diễn cảm, đúng nhịp thể hiện được tình cảm của người viết thông qua ngôn từ, hình ảnh.

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS đọc thầm tại chỗ (3’)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS: cách đọc và giọng đọc. GV đọc mẫu.

HS đọc thầm theo sự hướng dẫn của GV.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS đọc trước lớp.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá bài đọc của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc phần thưởng động viên.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm ví dụ về một số bài thơ lục bát về vẻ đẹp quê hương và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thể loại trong văn bản đó? (HS chỉ cần lựa chọn một văn bản để nêu ra đặc trưng).

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau

===========================================================

**Tiết 41 .VIẾT:**

**LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức về thơ lục bát.

- Cảm xúc của người viết trước bài thơ.

***2. Về năng lực:***

- Nhận dạng được một số yếu tố thơ lục bát về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ.

- Làm được bài thơ lục bát.

***3. Về phẩm chất:*** Yêu nước, nhân ái, trân trọng thành quả của bản thân.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc, bài trình bày của HS.- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** - Biết được kiểu bài thơ lục bát.

- Nhận biết được những yếu tố cơ bản trong một bài thơ lục bát.

**b.Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**c.Sản phẩm:** Bài thơ lục bát HS tự làm

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV hỏi:**

? Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?

? Thể thơ lục bát có những đặc điểm nào về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:**

- Quan sát lại bốn VB đã học.

- Suy nghĩ cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

- HS trả lời

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV nhận xét, nhắc lại những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát.

- Kết nối với ý thế nào là bài thơ hay trong mục “*Tri thức về kiểu bài*”.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. THẾ NÀO LÀ MỘT BÀI THƠ HAY?**

**a.Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với một bài thơ hay:- Về nội dung., Về hình thức.

**b.Nội dung:** Tìm hiểu yêu cầu của một bài thơ hay

**c.Sản phẩm:** Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Hình thức*** |
| *- Viết về những kỉ niệm tuổi thơ nơi bến quê.*  *- Qua đó thể hiện nỗi nhớ da diết và mong ước được trở về quê hương.* | * *Ngôn ngữ:* *Hàm súc, gợi hình, gợi cảm****.*** |
| * *Các biện pháp tu từ : nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ…* |
| * *Cách gieo vần: Theo quy luật của thơ lục bát* |
| * *Nhịp thơ: Thường 2/2/2 hoặc , 3/3, 4/2 ở câu lục*   *2/2/2/2 hoặc 4/4 ở câu 8* |

*Bài thơ hay:*

*- Về nội dung: Một bài thơ lục bát có nội dung hay là nội dung đó thể hiện được một cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống.*

*- Về hình thức:*

*+ Ngôn ngữ: Hàm súc, gợi hình, gợi cảm.*

*+ Sử dụng hài hoà các BPNT như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ…tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.*

*+ Cách gieo vần, nhịp điệu: Theo quy luật của thơ.*

**d.Tổ chức hoạt động**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu bài thơ Hoa bìm, yêu cầu HS quan sát.

- GV chia nhóm lớp

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập:

? Xác định nội dung bài thơ? (Bài thơ viết về điều gì?)

? Bài thơ thể hiện tình cảm của tg đối với quê hương ntn?

? Từ nội dung bài thơ trên, em hãy nhận xét về cách viết nội dung và hình thức của một bài thơ lục bát hay?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc lại văn bản “Hoa bìm”.

- Làm việc cá nhân 4’.

- Làm việc nhóm 3’, thống nhất ý kiến chung, hoàn thiện phiếu học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
|  | * Ngôn ngữ: |
| * Các biện pháp tu từ |
| * Cách gieo vần: |
| Nhịp thơ: |

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trả lời.

- HS trả lời câu hỏi GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.

**2. SÁNG TÁC THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu:** Bước đầu biết cách bài thơ lục bát.

**b.Nội dung:** HS đọc SGK

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

**b.Sản phẩm: Phiếu học tập**

*1. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: “Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro” khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.*

*2.Sự hiệp vần: đồng – đông, nhiều – diều – chiều.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tiếng*  *Dòng* | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| *Lục* | *B* | ***B*** | *T* | ***T*** | *B* | ***B*** |  |  |
| *Bát* | *T* | ***B*** | *B* | ***T*** | *T* | ***B*** | *B* | ***B*** |
| *Lục* | *T* | ***B*** | *T* | ***T*** | *B* | ***B*** |  |  |
| *Bát* | *T* | ***B*** | *T* | ***T*** | *T* | ***B*** | *B* | ***B*** |

*3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến.  Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.*

*4. Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nước khoai, cảm nhận ấy còn được thể hiện qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.*

*5. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự liê tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.*

*6. Từ tìm hiểu bài thơ, em học được cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu:*

*- Số dòng, số tiếng: Bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ (tạo thành cặp)*

*- Gieo vần: tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.*

*- Nhịp thơ: Nhịp chẵn + Câu lục: 2/2/ , Câu bát: 4/4*

*Từ ngữ: Giản dị, giàu sức gợi cảm kết hợp hài hoà các biện pháp nghệ thuật để thể hiện tình cảm, cảm xúc và ý tưởng của người viết.*

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV**chiếu bài thơ “Chăn trâu đốt lửa” lên bảng, chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm cụ thể như sau:

*1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?*

*2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra sự hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Dòng/tiếng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Lục |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |

*3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?*

*4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?*

*5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?*

*6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:- Đọc SGK và trả lời câu hỏi

- Làm việc cá nhân 2’

- Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ chung.

GV:- Hướng dẫn HS trả lời

- Quan sát, theo dõi HS thảo luận.

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS: Trình bày sp của nhóm Quan sát và bổ sung sp các nhóm.

GV: Hướng dẫn HS trình bày sp.

**B4: Kết luận, nhận định**

GV: -Nhận xét:

+ Câu trả lời của HS

+ Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm

+ Sản phẩm của các nhóm

- Chốt kiến thức và kết nối với mục sau

**3. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

- Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**b.Nội dung:**

**-** GV sử dụng KT đặt câu hỏi và trình bày 1 phút để hướng dẫn HS.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

**c.Sản phẩm:**

***1. Lựa chọn đề tài***

*Viết hai câu thơ lục bát về đề tài quê hương.*

***2. Tìm ý tưởng***

|  |
| --- |
| *1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất là: Quê hương nơi em sinh ra và lớn lên.* |
| *2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu em là hình ảnh về dòng sông, trưa hè, tiếng ve, lời ru của mẹ.* |
| *3. Tôi viết điều này ra để bộc lộ tình yêu quê hương, lòng biết ơn mẹ với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, bình yên.* |

***3. Làm thơ lục bát***

*Quê hương là một tiếng ve*

*Lời ru của mẹ trưa hè à ơi*

*Dòng sông con nước đầy vơi*

*Quê hương là một góc trời tuổi thơ.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiếng/***  ***dòng*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** |
| *Lục* |  | *hương*  *(bằng: thanh huyền)* |  | *một*  *(trắc: thanh nặng)* |  | *ve*  *(bằng: thanh huyền, vần e)* |  |  |
| *Bát* |  | *ru*  *(bằng: thanh huyền)* |  | *mẹ*  *(trắc: thanh nặng)* |  | *hè*  *(bằng: thanh huyền, vần e)* |  | *ơi*  *(bằng: thanh huyền, vần ơi)* |
| *Lục* |  | *sông*  *(bằng: thanh huyền)* |  | *nước*  *(trắc: thanh sắc)* |  | *vơi*  *(bằng: thanh huyền, vần ơi)* |  |  |
| *Bát* |  | *hương*  *(bằng: thanh huyền)* |  | *một*  *(trắc: thanh nặng)* |  | *trời*  *(bằng: thanh huyền, vần ơi)* |  | *thơ*  *(bằng: thanh huyền, vần ơ)* |

***4.Chỉnh sửa và chia sẻ***

*- Đọc diễn cảm bài thơ theo đúng giọng điệu.*

*- Dùng bảng kiểm để kiểm tra và sửa lại bài thơ đảm bảo đúng luật của thể thơ lục bát.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Phương diện* | *Nội dung kiểm tra* | *Đạt/Chưa đạt* |
| *Hình thức* | *Bài thơ gồm các dòng lục (sáu tiếng) và dòng bát (tám tiếng) xen kẽ.* |  |
| *Các dòng thơ chủ yếu được ngắt nhịp chẵn.* |  |
| *Cách hiệp vần: Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó.* |  |
| *Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ…* |  |
| *Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.* |  |
| *Các hình ảnh sống động, thú vị.* |  |
| *Nội dung* | *Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống.* |  |

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* Lựa chọn đề tài sáng tác (GV gợi ý có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất). Hoặc GV giao đề tài cho HS chuẩn bị ở nhà, đến lớp mời một vài em chia sẻ đề tài mình định viết.

- Từ đề tài trên, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho đề tài mà em lựa chọn bằng cách yêu cầu mỗi HS hoàn thiện phiếu học tập:

|  |
| --- |
| 1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất là………………………………………. |
| 2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu tôi là…………………………………… |
| 3. Tôi viết điều này ra để……………… |

-Dựa vào phiếu học tập, HS điền các từ ngữ, hình ảnh, cách gieo vần, các tiếng để viết tối thiểu hai cặp thơ lục bát.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng/  Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Lục |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Lục |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |

-Dùng bảng kiểm để HS tự kiểm tra bài thơ của mình, sau đó hai HS sẽ kiểm tra chéo và hoàn thiện bài thơ của mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV:- Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu học tập.

HS:- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.

- Tìm ý tưởng bằng các hoàn thiện phiếu học tập.

- Dựa vào ý tưởng viết ra nháp đảm bảo đúng luật của thể thơ lục bát.

- Trao đổi với bạn và hoàn thiện sau khi được góp ý.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS:- Đọc sản phẩm của mình.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm một bài thơ lục bát.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Bài thơ lục bát của HS làm

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao đề tài cho HS lựa chọn hoặc GV ấn định đề tài.

Ví dụ: Viết bài thơ lục bát nói về tình cảm gia đình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tìm ý tưởng và viết thơ dựa vào kiến thức đã học về thể thơ lục bát. HS thực hiện nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết một bài thơ lục bát về một cảnh đẹp của quê hương em.

- Yêu cầu có hình ảnh minh hoạ hoặc thiết kế dưới dạng thiệp, inforgraphic.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu tham khảo trên mạng internet và hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận: GV** thống nhất thời gian để HS nộp sản phẩm. (Có thể vào giờ học tuần sau và nhận xét vào tiết trả bài).

**B4: Kết luận, nhận định (GV):** Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

***Tiết 42***

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ**

**MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức về đoạn văn.

- Cảm nhận của người viết trước một bài thơ lục bát.

***2. Về năng lực:*** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

***3. Về phẩm chất:*** Yêu nước, nhân ái, trân trọng thành quả của bản thân.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**GIỚI THIỆU KIỂU BÀI**

**a.Mục tiêu:** Nhận dạng được đoạn văn ghi lại cảm xúc trước một bài thơ lục bát.

**b.Nội dung:** HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ mà GV phân công.

**c.Sản phẩm**

Dự kiến: HS đưa ra lựa chọn. có thể là văn bản 1, 2 hay 3, 4.

* Ví dụ văn bản 1: Việt Nam quê hương ta.
* Cảm xúc của em: Yêu mến, tự hào về đất nước Việt Nam giàu đẹp, anh hùng, đoàn kết.
* Để ghi lại lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ viết thành đoạn văn nói lên cảm nhận của mình về bài thơ đó.)

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp các câu hỏi:**

? Trong bốn bài ca dao đã học ở bài 3, em thích bài nào nhất? Vì sao?

? Nêu ngắn gọn cảm xúc của em về bài ca dao đó?

? Để ghi lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ làm như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-**Đọc thầm lại bốn VB đã học.

- Suy nghĩ cá nhân (2’)

- Chia sẻ với bạn cùng bàn (3’) để thống nhất ý kiến chung. Ghi kết quả thảo luận ra giấy nháp.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chỉ định 2 – 4 cặp HS trả lời câu hỏi.

- HS trả lời, nhận xét và bổ sung câu hỏi cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Giới thiệu về kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu:** HS biết được:

- Tri thức về đoạn văn.

- Nhận dạng được đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát.

**b.Nội dung:** HS thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

**c.Sản phẩm:**

*Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nhận về một bài thơ lục bát*

|  |
| --- |
| ***Dấu hiệu nhận biết đoạn văn*** |
| ***Hình thức:*** *Gồm nhiều câu văn (từ hai câu văn trở lên. Chữ cái đầu dòng được viết hoa và lùi vào đầu dòng.**Các câu văn viết liền nhau, ngăn cách bởi dấu câu và kết thúc câu bằng dấu chấm.* |
| ***Nội dung:*** *Cảm xúc của nhân vật tôi về bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.* |

***Đoạn văn là*** *đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn*

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu nội dung phần *Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78.*

- GV chia 6 nhóm, yêu cầu HS quan sát, hoàn thiện các câu hỏi trong phiếu học tập:

? Dấu hiệu nào để em nhận biết đó là một đoạn văn?

? Về hình thức đoạn văn gồm có mấy câu? Giữa các câu được ngăn cách với nhau ntn?

? Về nội dung đoạn văn đó thể hiện điều gì?

|  |
| --- |
| **Dấu hiệu nhận biết đoạn văn** |
| **Nội dung** |
| **Hình thức** |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:**

- Quan sát nội dung SGK hoặc nội dung trên máy chiếu.

- Suy nghĩ cá nhân (2’)

- Thảo luận để thống nhất ý kiến chung cả nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập. (3’)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chỉ định 2-3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

- HS trình bày, lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu hỏi cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Đánh giá quá trình nhóm làm việc, chốt kiến thức cần nhớ và kết nối với nội dung tiếp theo:

**2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Về nội dung.

- Về hình thức.

**b.Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c.Sản phẩm :**

**Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:**

*- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.*

*- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.*

*- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.*

*- Cấu trúc gồm có ba phần:*

*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).*

*Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.*

*Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.*

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* GV tiếp tục yêu cầu HS quan sát nội dung *Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78, trả lời các câu hỏi:*

? Về hình thức, bài viết đã đảm bảo là một đoạn văn chưa?

? Nội dung của đoạn văn là gì? Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về thể thơ lục bát không?

? Người viết đã sử dụng ngôi kể thứ mấy để chia sẻ cảm xúc về bài ca dao?

* GV gọi trực tiếp một vài HS trả lời.
* GV giữ nguyên 6 nhóm, thảo luận:

? Xác định bố cục của đoạn văn?

? Nội dung câu mở đoạn là gì?

? Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày những gì?

? Nôi dung của câu kết đoạn là gì?

? Từ đó, em rút ra được yêu cầu gì đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS: - Quan sát nội dung SGK hoặc nội dung trên máy chiếu.

- Suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi.(2)’\_

- Tiếp tục thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời và dán vào bảng chung của nhóm. (3’)

GV: Quan sát, hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một vài HS trả lời câu hỏi.

- GV chỉ định 2-3 nhóm HS trình bày.

+ Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

+ Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát: Bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.

+ Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc: Xưng tôi.

+ Cấu trúc gồm có ba phần:

. Mở đoạn: "Công cha...công cha nghĩa mẹ"Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).

. Thân đoạn: "Với âm hưởng... công ơn trời biển ấy" gồm: Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát; Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

. Kết đoạn: "Những câu ca dao... được trong đời". Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn kiến thức.

- Kết nối sang nội dung tiếp theo.

**3. QUY TRÌNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu:** HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b.Nội dung:** HS thực hiện cá nhân các yêu cầu GV giao

**c.Sản phẩm**

***a. Chuẩn bị trước khi viết.***

***Xác định đề tài.***

*Hãy đọc kĩ đề bài và xác định:*

*- Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?*

*- Kiểu bài nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?*

***Thu thập tư liệu***

*Trong bước này, em hãy tự hỏi:*

*- Cần tìm những thông tin nào?*

*- Tìm những thông tin ấy ở đâu?*

***b.Tìm ý, lập dàn ý***

***Tìm ý:*** *Em hãy:*

*- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và xác định những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.*

*- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.*

*- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.*

*- Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.*

***Lập dàn ý.***

*Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu sau:*

*Mở đoạn: Giới thiệu cảm xúc chung về bài thơ lục bát.*

*Thân bài: Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ lục bát,*

*Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của vài thơ đối với bản thân.*

***c.Viết đoạn.***

*Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.*

***d. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* GV nêu đề bài: Em hãy viết một đoạn văn (từ 150 - 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.

(Trước khi viết 1 tuần GV nên cho HS chọn bài thơ lục bát mà mình yêu thích hoặc muốn viết về nó.)

- Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý mà em vừa lập?

- Sửa lại bài sau khi đã viết bài xong.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS quy trình viết:

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một vài HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời cho bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá quá trình làm việc.

**TRẢ BÀI**

**a.Mục tiêu:** Giúp HS

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.

- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

**b.Nội dung:**

- GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.

- HS đọc bài viết, làm việc nhóm.

**c.Sản phẩm: Bài viết đã được sửa chữa của HS**

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ

- HS làm viện theo nhóm

**B3: Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.

- HS nhận xét bài viết.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.

*- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc viết một đoạn văn (từ 150-200 chữ) ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn (từ 150-200 chữ) ghi lại cảm xúc của HS về một bài thơ lục bát.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên lựa chọn bài thơ lục bát hoặc cho HS lựa chọn theo sở thích cá nhân.

Ví dụ: Viết đoạn văn (khoảng 250-300 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ lục bát Việt Nam quê hương ta.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài dựa vào kiến thức đã học.

HS thực hiện nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết đoạn văn, sử dụng ngôn từ.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát do em sáng tác?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và hoàn thành nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo, thảo luận: GV** thống nhất thời gian để HS nộp sản phẩm.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):** Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

***==============================================================***

***Tiết 43.* NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tác giả, nội dung của một bài thơ lục bát

- Cảm xúc về một bài thơ lục bát

***2. Về năng lực:***

- Biết cảm nhận một bài thơ lục bát.

- Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài trình bày cảm xúc về một bài thơ

***3. Về phẩm chất:***

-Yêu cuộc sống, yêu thơ văn và trân trọng những vẻ đẹp quê hương, đất nước.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát | Chưa trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát | Đã trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát nhưng chưa hay. | Bài trình bày hay và gây ấn tượng đối với người nghe. |
| 2. Nội dung phần trình bày đầy đủ, hấp dẫn, khơi gợi được hứng thú cho người nghe | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu và cảm nhận được bài thơ. Chưa có bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu và cảm nhận được bài thơ, có sử dụng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để thể hiện cảm xúc nhưng chưa được rõ ràng. | Nội dung phần trình bày phong phú, hấp dẫn, sử dụng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói, khơi gợi được hứng thú cho người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi, giới thiệu và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi, giới thiệu và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi, giới thiệu và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS biết cách quan sát, lắng nghe, kết nối tri thức của cuộc sống vào bài học.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe cảm nhận của người nói về tập thơ lục bát của tác giả Nguyễn Phúc Lộc Thành và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là cảm nhận về một bài thơ lục bát.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video?

Nhà thơ Trần Đăng Khoa cảm nhận chung về tập thơ lục bát "Giấc mơ Sông Thương" của tác giả Nguyễn Phúc Lộc Thành.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết nối vào bài học

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI**

a) **Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) **Nội dung:**

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

***1. Chuẩn bị nội dung***

*- Đề tài của bài nói: Cảm nhận về một bài thơ lục bát*

*- Người nghe: Cô giáo và các bạn*

*- Mục đích nói: Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát*

*- Không gian lớp học, thời gian nói: 5 phút*

*\* Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.*

***2. Tập luyện***

*- HS nói một mình trước gương.*

*- HS tập nói trước nhóm/tổ.*

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Đề tài của bài nói là gì?

? Những người nghe là ai?

? Mục đích nói của bài nói là gì?

? Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ câu hỏi của GV.

- Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.

- Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.

? Em sẽ nói về nội dung gì?

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- HS trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói

**II. TRÌNH BÀY NÓI**

a) **Mục tiêu:**

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp, biết một số kĩ năng nói trước đám đông và điều chỉnh những yếu tố phi ngôn ngữ như: cử chỉ, ánh mắt, cách nhấn nhá câu từ sao cho phù hợp với nội dung nói.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu :

- HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết

- Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.

+ Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xem lại dàn ý của HĐ viết và liệt kê các ý cần nói bằng cách gạch đầu dòng, ghi lại những cụm từ chính.

- GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí

- HS nói trước lớp

- Yêu cầu nói:

+ Nói đúng mục đích (Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát).

+ Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.

+ Nói to, rõ ràng, truyền cảm.

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- HS nói (4 – 5 phút).

- GV hướng dẫn HS nói

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.

**III.TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI**

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

**c).Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

**d.)Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.

- Yêu cầu HS đánh giá

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV:Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.

HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

- HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đọc lại bài thơ số 2 trong văn bản 1 (SGK trang 64-65), em hãy trình bày ngắn gọn cảm nhận của mình về bài thơ này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc lại bài thơ, suy nghĩ và gạch những ý chính ra vở

- GV hướng dẫn HS tìm ý:

+ Bài thơ là lời của ai?

+ Nội dung là gì?

+ Em có những cảm nhận như thế nào sau khi đọc hiểu bài thơ?

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Em hãy sưu tầm thêm những bài thơ lục bát khác viết về quê hương và sau đó trình bày cảm nhận của mình về một bài thơ mà em thích nhất.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập, thực hiện bài tập khi ở nhà.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV ở buổi học Ngữ văn tiếp theo

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

===============================================================

***Tiết 44***

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ôn tập lại các kiến thức đã học.

- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách thâu tóm lại kiến thức.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản đã học.

***3. Về phẩm chất:***

-Yêu cuộc sống, yêu thơ văn, trân trọng những vẻ đẹp quê hương, đất nước và rút ra được những bài học hữu ích cho bản thân trong việc thể hiện tình cảm đối với quê hương, đất nước.

**\*\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS**

**Vẻ đẹp quê hương: yêu vẻ đẹp quê hương**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS chủ động, hợp tác, biết cảm nhận và thể hiện tình yêu đối với quê hương, đất nước.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS đọc một vài bài thơ đã sưu tầm

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là ôn tập về các kiến thức đã học trong bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu một học sinh đại diện đọc một bài thơ đã sưu tầm mà em thấy tâm đắc nhất và cảm nhận về bài thơ đó (Lấy tinh thần xung phong)

? Mời cả lớp nhận xét, đánh giá và cho bạn điểm

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe bạn trình bày.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, cả lớp nhận xét, đánh giá phần trình bày của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, động viên và kết nối vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:**

- HS chủ động, phối hợp tốt với các bạn trong nhóm để chắt lọc những nội dung tâm đắc nhất, mạnh dạn trình bày bài nhóm và phản biện trước lớp.

- Ôn tập lại các kiến thức đã học của bài lớn, chủ động nhận thức được những giá trị to lớn của vẻ đẹp quê hương và thơ ca dân tộc.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, dựa vào những gì đã chuẩn bị ở nhà, cùng thảo luận và thống nhất câu trả lời và trình bày trước lớp.

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét.

**c) Sản phẩm:**

- Phần trình bày thảo luận nhóm của HS

***BÀI TẬP 1:*** *Tóm tắt nội dung và xác định thể loại của các văn bản:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Văn bản* | *Nội dung* | *Thể loại* |
| *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* | *Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng.* | *Ca dao.* |
| *Việt Nam quê hương ta* | *Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thuỷ, sự tài hoa của con người Việt Nam.* | *Thơ lục bát.* |

***BÀI TẬP 2:*** *Những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao:*

*Sông Tô nước chảy trong ngần*

*Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa*

*Thon thon hai mũi chèo hoa*

*Lướt qua lướt lại như là bướm bay.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Đặc điểm của thể thơ lục bát* | *Thể hiện trong bài ca dao* |
| *Số dòng thơ* | *4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát)* |
| *Số tiếng trong từng dòng* | *Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng* |
| *Vần trong các dòng thơ* | *Ngần - gần; xa - hoa - là* |
| *Nhịp của từng dòng thơ* | *Dòng 1: 2/4; Dòng 2: 4/4; Dòng 3: 2/4; Dòng 4: 4/4* |
| *Về ngôn ngữ* | *Từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tấp nận trên dòng sông Tô.* |
| *Biện pháp nghệ thuật* | *+ Nhân hoá (thuyền buồm chạy gần chạy xa)*  *+ So sánh (Lướt qua lướt lại như là bướm bay)*  *→ Khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người.* |

***BÀI TẬP 3:*** *Những đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát:*

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương diện* | *Đặc điểm* |
| *Hình thức* | *- Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu để ngắt đoạn xuống dòng*  *- Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.* |
| *Nội dung* | * *Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.*   *+Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.*  *+ Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.*  *+ Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.* |

***BÀI TẬP 4:*** *Kinh nghiệm khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát*

*- Trước khi viết hoặc nói, phải xác định mục đích là gì, người đọc/người nghe là những ai. Điều đó giúp em định hướng được nội dung bài viết, tăng hiệu quả giao tiếp.*

*- Thứ hai, cần tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc, những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ. Từ đó, phân tích cái hay, cái đẹp của bài và nêu cảm xúc của mình.*

***BÀI TẬP 5:***

*Hình ảnh quê hương trong tâm trí em:*

*- Với mỗi người, hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí khác nhau, Với em, quê hương là chốn bình yên, được tự do vui chơi và nô đùa, được đi thả diều trên triền đê, ăn những trái cây chín mọng trong vườn của ông bà nội thoả thích.*

*Ý nghĩa của quê hương đối với mỗi chúng ta:*

*- Quê hương có ý nghĩa quan trọng với mỗi người bởi đó là đó là nơi chôn rau cắt rốn, có tổ tiên, ông bà, họ hàng để nhắc nhở ta nhớ về cội nguồn của chính mình.*

*Những việc em có thể làm để quê hương ngày một đẹp hơn:*

*- Để quê hương ngày càng đẹp hơn, theo em, mỗi người cần có trách nhiệm đóng góp và xây dựng được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau: giữ gìn vệ sinh, không đổ rác bừa bãi, trồng thêm cây xanh, tôn tạo các công trình văn hoá như đền chùa, di tích lịch sử… Bên cạnh đó, mỗi người con của quê hương cần phấn đấu học thật giỏi và sau này quay về xây dựng, phát triển kinh tế để quê hương ngày càng giàu đẹp..*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm tổ, dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm trao đổi, rút ra câu trả lời tâm đắc nhất cho từng câu hỏi, sau đó từng nhóm trình bày phần trả lời của mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS:

+ Nhóm 1 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 1

+ Nhóm 2 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 2

+ Nhóm 3 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 3

+ Nhóm 4 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 4, 5

- GV hướng dẫn và giải đáp khúc mắc cho HS trong quá trình trao đổi, thảo luận (nếu cần)

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- Đại diện các nhóm HS lần lượt lên trình bày

- Các HS khác chú ý lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi cho nhóm bạn

- GV nhắc nhở, động viên những HS chưa tập trung (nếu có).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV: Nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) **Mục tiêu:**

- HS hệ thống lại được kiến thức đã học trong bài

- HS rút ra được những kinh nghiệm, bài học cho bản thân

**b)Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:** Bài nộp của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV giao bài tập:

Bài tập 1: Em hãy chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong một bài thơ bất kì mà em đã sưu tầm được?

Bài tập 2: Viết một bài văn ngắn nêu cảm nhận của mình về bài thơ lục bát mà em vừa thực hiện nhiệm vụ ở bài tập 1.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập khi ở nhà và nộp sản phẩm vào tuần sau.

- HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2 và làm bài tập khi ở nhà.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành BT 1 và 2.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV trình chiếu PPT trò chơi.

- HS chơi trò chơi, đồng thời củng cố kiến thức đã học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV cho HS chơi trò chơi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV trình chiếu ppt cho học sinh chơi trò chơi

- HS tập trung chú ý.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chơi trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Khuyến khích, động viên, khen ngợi HS sau khi vừa chơi vừa học mà đã làm được một việc tốt, nêu cao tinh thần yêu thiên nhiên, yêu động vật và đặc biệt là yêu quê hương.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**……………………………….**

**Tiết 45 TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức:***

- HS nắm vững các kiến thức về các văn bản, tiếng Việt và phần viết trong chương trình Ngữ văn lớp 6 từ đầu HKI đến giữa kì HKI.

- Qua tiết trả bài kiểm tra giữa học kỳ I, HS nhận ra những điều làm được và chưa làm được để rút kinh nghiệm cho các bài làm sau.

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực chung:**

Phát triển năng lực hiểu, cảm nhận về tác phẩm văn học; biết cách dùng từ, đặt câu, biết cách viết một bài văn hoàn chỉnh.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành phần viết.

- Năng lực tiếp thu, luyện kỹ năng chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

***3.Về phẩm chất:*** Chủ động, nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Thiết bị dạy học:**

- Tài liệu kế hoạch dạy học

- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

**2.Học liệu:** Kiến thức liên quan trong đề kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.

**b. Nội dung:**GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**c.Sản phẩm:**HS chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập của bản thân để trình bày trước lớp.

**B3. Báo cáo thảo luận** GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**B4. Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** HS so sánh bài làm với đáp án.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV dựa vào đáp án phần đọc hiểu, yêu cầu HS nhắc lại kiến thức.

- GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những lưu ý khái quát của kiểu bài viết kể lại truyện cổ tích.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**B4. Kết luận nhận định** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**I. Yêu cầu**

\* Đọc- hiểu: 1C, 2 B, 3A, 4C, 5A, 6 B, 7D, 8D

9. Đặt câu và chỉ ra trạng ngữ trong câu vừa đặt. Trạng ngữ đó bổ sung ý nghĩa gì?

*Gợi ý:*

*Hôm nay, tôi đi học.*

*- Trạng ngữ: Hôm nay*  
10. -Yêu cầu: Học sinh viết 1 đến 2 câu, nêu cảm xúc …

Gợi ý: Cảm xúc của mỗi người Việt Nam sau khi đọc truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” là niềm tự hào về dòng dõi thần tiên cao quí.

*HS có thể có cách trả lời khác, miễn phù hợp, GV linh hoạt ghi điểm.*

\* Viết:

|  |
| --- |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự, hình thức khoảng 400 chữ.* |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Kể lại truyện cổ tích yêu thích bằng lời văn của em (Ngữ liệu không nằm trong SGK “Chân trời sáng tạo”). |
| c. *Kể lại một truyện cổ tích yêu thích bằng lời văn của em.*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ ba.  - Trình tự kể phù hợp.  **1. Mở bài:**  Giới thiệu tên truyện, nêu lí do muốn kể lại câu chuyện.  **2. Thân bài** : Dùng lời văn của mình để kể lại các sự kiện chính trong truyện.  - Sự việc mở đầu  - Diễn biến câu chuyện  - Sự việc kết thúc  **3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể. |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, tiếng Việt. |
| *e. Sáng tạo:*  Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.  \* *Lưu ý: Trong quá trình chấm, giáo viên có thể linh hoạt đối với bài làm của HS, tránh áp đặt theo khuôn mẫu. Khuyến khích những bài làm sáng tạo.* |

**Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài**

**a. Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan bài học.

**c.Sản phẩm:** HS rút kinh nghiệm bài viết.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.

- Tùy tình hình, mức độ đáp ứng trong bài viết của HS lớp dạy mà GV nhận xét về:

\* Kiến thức:

+ Nội dung kiến thức HS đã nắm vững

+ Nội dung kiến thức còn yếu

\* Kỹ năng:

+ Các kỹ năng HS đã nắm vững

+ Các kỹ năng còn yếu

- GV yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn và những phân tích, bổ sung ở trên.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**B4. Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- Hướng dẫn HS về nhà viết lại đoạn văn.

**C. HOẠT ÐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

❓ Thực hiện một số câu trong đề đặc biệt là phần tự luận mà HS còn yếu về kiến thức và kĩ năng.

Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn theo tổ, ghi vào phiếu học tập:

- Tổ 1: Chữa lỗi dùng từ

- Tổ 2: Chữa lỗi diễn đạt

- Tổ 3,4: Chữa lỗi kiến thức

- HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày.

- GV Lựa chọn đoạn văn, bài văn hay, cho HS đọc để học tập lẫn nhau

**B2. Thực hiện nhiệm vụ :** HS thực hiện theo nhóm, cá nhân

**B3. Báo cáo thảo luận :** Hs trình bày

**B4. Kết luận nhận định :** GV và HS nhận xét. GV kết luận

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn, mở rộng kiến thức cho HS.

**b. Nội dung**: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

-Qua tiết trả bài em rút ra kinh nghiệm gì khi làm bài ?

-Tự sửa chữa bài làm của bản thân. Các bài yếu kém viết lại phần tự luận.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện theo nhóm

**B3. Báo cáo thảo luận** HS đại diện trình bày

**B4. Kết luận nhận định** HS nhận xét, GV kết luận